

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**

---



**SỔ TAY HƯỚNG DẪN**  
**GIÁM SÁT AN TOÀN KHAI THÁC HÀNG KHÔNG, SÂN BAY**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 873/QĐ-CHK ngày 27/6/2014)*

Hà Nội, năm 2014



# MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>Chương I: Quy định chung</b>	5
1.1. Mục đích	5
1.2. Phạm vi áp dụng	5
1.3. Căn cứ pháp lý và tài liệu viện dẫn	5
1.4. Quy định về sửa đổi, bổ sung tài liệu	7
1.5. Giải thích từ ngữ	7
<b>Chương II: Quyền hạn và trách nhiệm</b>	13
2.1. Sơ đồ tổ chức hệ thống giám sát an toàn Cục HKVN	13
2.2. Trách nhiệm của Cục Hàng không Việt Nam	14
2.3. Trách nhiệm của Cảng vụ Hàng không	15
2.4. Trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân	17
2.5. Giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay	17
<b>Chương III: Kiểm tra an toàn cảng hàng không, sân bay</b>	19
3.1. Nguyên tắc chung	19
3.2. Sơ đồ tổng quan về hoạt động kiểm tra	20
3.3. Kế hoạch, chế độ, tần suất kiểm tra an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay	21
<b>Chương IV: Cách thức kiểm tra công tác an toàn</b>	22
4.1. Công tác chuẩn bị cho cuộc kiểm tra	22
4.2. Thực hiện kiểm tra tại cơ sở	24
4.3. Báo cáo kiểm tra	27
4.4. Kế hoạch khắc phục	28
4.5. Lưu trữ hồ sơ kiểm tra	29
<b>Chương V: Bảo đảm việc tuân thủ các quy định</b>	30
5.1. Biện pháp bảo đảm việc tuân thủ các quy định	30
5.2. Trách nhiệm của nhà chức trách hàng không	30
<b>Các phụ lục kèm theo</b>	
Phụ lục 1: Một số nội dung kiểm tra tại cảng hàng không, sân bay	31
Phụ lục 2: Một số nội dung kiểm tra thực tế ngoài hiện trường	33
Phụ lục 3: Dự kiến nội dung làm việc tại buổi khai mạc	35
Phụ lục 4: Các thông tin chung về cảng hàng không	36

Phụ lục 5: Danh mục kiểm tra đường cất hạ cánh	40
Phụ lục 6: Danh mục kiểm tra đường lăn	54
Phụ lục 7: Danh mục kiểm tra sân đỗ tàu bay	60
Phụ lục 8: Danh mục kiểm tra nhà ga	70
Phụ lục 9: Danh mục kiểm tra hệ thống biển báo khu bay	76
Phụ lục 10: Danh mục kiểm tra ống gió và hệ thống sơn tín hiệu	85
Phụ lục 11: Danh mục kiểm tra hệ thống đèn hiệu sân bay	104
Phụ lục 12: Danh mục kiểm tra đánh dấu các chương ngại vật nhận biết bằng mắt	118
Phụ lục 13: Danh mục kiểm tra hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC	121
Phụ lục 14: Danh mục kiểm tra bố trí lực lượng nhân sự làm công tác PCCC	133
Phụ lục 15: Danh mục kiểm tra trang thiết bị PCCC	136
Phụ lục 16: Danh mục kiểm tra an toàn xây dựng sân bay	143
Phụ lục 17: Danh mục kiểm tra trang thiết bị PCLB&TKCN	147
Phụ lục 18: Quy trình khai thác, biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn	151
Phụ lục 19: Danh mục kiểm tra hệ thống cấp điện	181
Phụ lục 20: Mẫu báo cáo kết quả kiểm tra	185

# CHƯƠNG I

## QUY ĐỊNH CHUNG

### 1.1. Mục đích

Sổ tay Hướng dẫn giám sát an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay cung cấp thông tin và hướng dẫn cho các cơ quan chức năng, lực lượng giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay thuộc Cục Hàng không Việt Nam (Cục HKVN), Cảng vụ Hàng không và lực lượng kiểm tra, giám sát an toàn nội bộ của người khai thác cảng thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn, các quy định, quy trình khai thác và chất lượng cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay; kiểm tra, giám sát hệ thống an toàn cảng hàng không, sân bay.

### 1.2. Phạm vi áp dụng

1.2.1. Sổ tay Hướng dẫn giám sát an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay bao gồm những thông tin và hướng dẫn quá trình kiểm tra an toàn được áp dụng cho tất cả các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác, cung cấp dịch vụ tại các cảng hàng không, sân bay có hoạt động hàng không dân dụng ở Việt Nam.

1.2.2. Cục HKVN chịu trách nhiệm đối với việc triển khai, thực hiện và duy trì các tiêu chuẩn kỹ thuật cảng hàng không, sân bay. Giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay được Cục HKVN bổ nhiệm phải chịu trách nhiệm về nhiệm vụ được giao để đảm bảo rằng nội dung của sổ tay này đang được thực hiện có hiệu quả nhằm đáp ứng các mục tiêu sau đây:

- Kiểm tra việc thực hiện các tiêu chuẩn sân bay, các quy định về bảo đảm an toàn khai thác cảng có hiệu quả;
- Giám sát mức độ tuân thủ các quy trình, quy định;
- Xác định đầy đủ và hiệu quả của cuốn sổ tay thông qua việc thiết lập pháp luật, quy định, thanh tra và kiểm tra;
- Đảm bảo tất cả những người được bổ nhiệm làm giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay được đào tạo và hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ;
- Đảm bảo phạm vi các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được kiểm tra;
- Xem xét và đánh giá lại các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho cảng hàng không, sân bay và đánh giá mức độ rủi ro, uy hiếp an toàn đối với hành vi vi phạm theo định kỳ.

### 1.3. Căn cứ pháp lý và tài liệu viện dẫn

#### 1.3.1. Căn cứ pháp lý

- Luật hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 06 năm 2006;
- Nghị định số 83/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 05 năm 2007 của Chính phủ về Quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

- Nghị định số 20/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về Quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam;

- Nghị định số 147/2013/NĐ-CP ngày 30/10/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; Nghị định số 46/2012/NĐ-CP ngày 22/5/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 130/2006/NĐ-CP ngày 08/11/2006 quy định chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc;

- Quyết định số 44/2009/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Phương án khẩn nguy tổng thể đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng;

- Quyết định số 33/2012/QĐ-TTg ngày 06 tháng 8 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng không dân dụng;

- Thông tư số 14/2009/TT-BGTVT ngày 04/8/2009 của Bộ Giao thông vận tải về quy định việc báo cáo hoạt động và số liệu thống kê trong ngành hàng không;

- Thông tư số 19/2009/ TT-BGTVT ngày 08 tháng 9 năm 2009 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về khí tượng hàng không dân dụng;

- Thông tư số 28/2009/TT-BGTVT ngày 10 tháng 11 năm 2009 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về phương thức bay Hàng không dân dụng;

- Thông tư số 16/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2010 của Bộ Giao thông vận tải Quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay; Thông tư số 19/2011/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-BGTVT ngày 30/6/2010;

- Thông tư số 28/2010/TT-BGTVT ngày 13 tháng 9 năm 2010 của Bộ Giao thông vận tải Quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ;

- Thông tư số 53/2011/TT-BGTVT ngày 24 tháng 10 năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về an toàn hoạt động bay;

- Thông tư 01/2012/TT-BGTVT ngày 09/01/2012 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về việc bảo đảm kỹ thuật nhiên liệu hàng không tại Việt Nam;

- Thông tư số 30/2012/TT-BGTVT ngày 01 tháng 08 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải Quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không dân dụng Việt Nam và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không dân dụng;

- Thông tư số 51/2012/TT-BGTVT ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về bản đồ, sơ đồ hàng không;

- Thông tư số 53/2012/TT-BGTVT ngày 25/12/2012 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động hàng không dân dụng;

- Thông tư số 11/2014/TT-BCA ngày 12/3/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

- Quyết định số 21/2007/QĐ-BGTVT ngày 06 tháng 4 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành kèm theo "Quy chế thông báo tin tức hàng không";

- Quyết định số 27/2007/QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về tổ chức và hoạt động của Cảng vụ hàng không;

- Quyết định số 220/QĐ-CHK ngày 25/01/2014 của Cục HKVN ban hành Quy chế báo cáo an toàn hàng không.

### 1.3.2. Tài liệu viện dẫn:

- Phụ lục 14, Phụ lục 19 Công ước Chicago;

- Sổ tay cấp chứng chỉ sân bay (Doc 9774 –AN/969) của ICAO;

- Sổ tay quản lý an toàn (Doc 9859-AN/460) của ICAO;

- Sổ tay thiết kế sân bay (Doc 9157);

- Sổ tay dịch vụ cảng Hàng không (Doc 9137);

- Sổ tay giám sát an toàn (Doc 9734);

- Sổ tay hướng dẫn thanh tra khai thác và kiểm tra cấp giấy chứng nhận khai thác (Doc 8335).

## 1.4. Quy định về sửa đổi, bổ sung tài liệu

1.4.1 Mỗi trang của tài liệu được xem là duy nhất và quá trình sửa đổi, bổ sung sẽ được tiến hành bất cứ lúc nào để phản ánh và cập nhật những thay đổi cần thiết.

1.4.2. Các đơn vị được phân phối tài liệu có trách nhiệm trong việc rà soát các vấn đề cần sửa đổi bổ sung trong tài liệu, báo cáo Cục HKVN xem xét, sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

1.4.3. Những nội dung bổ sung, sửa đổi được Cục HKVN phê duyệt sẽ được gửi tới các đơn vị liên quan dưới hình thức gửi lại trang ghi nhận các tu chỉnh, kèm theo các trang sửa đổi bổ sung mới đã được người có thẩm quyền ký ghi rõ ngày, tháng, năm, số lần sửa đổi.

## 1.5. Giải thích từ ngữ

Trong Sổ tay này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

### 1.5.1 Thuật ngữ, định nghĩa

- *Biển báo khu bay* là các biển báo được lắp đặt tại các khu vực quy định trên khu bay giúp người điều khiển tàu bay có thể nhận biết chính xác tên hoặc các khu vực xác định của cảng hàng không.

- *Cảng Hàng không* là khu vực xác định, bao gồm sân bay, nhà ga và trang bị, thiết bị, công trình cần thiết khác được sử dụng cho tàu bay đi, đến và thực hiện vận chuyển hàng không.

- *Chỉ số phân cấp mặt đường (Pavement Classification Number - PCN)* là chỉ số biểu thị khả năng chịu lực của mặt đường khi tàu bay hoạt động không hạn chế trên nó.

- *Chỉ số phân cấp tàu bay (Aircraft Classification Number - ACN)* là chỉ số biểu thị tác động tương đối của tàu bay lên mặt đường tương ứng với một cấp nền đường tiêu chuẩn.

- *Chướng ngại vật hàng không (Obstacle)* là tất cả những vật thể tự nhiên hoặc nhân tạo (cố định hoặc di động) có thể ảnh hưởng đến bảo đảm an toàn cho hoạt động bay hoặc hoạt động bình thường của các đài, trạm thông tin, ra đa dẫn đường hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời.

- *Cự ly công bố (Declared Distances):*

+ *Cự ly có thể chạy đà (Take-off run available: TORA)* là phần chiều dài thực của đường CHC được công bố và thích hợp cho tàu bay tính toán chạy trên mặt đất để cất cánh.

+ *Cự ly có thể cất cánh (Take-off distance available: TODA)* là phần chiều dài thực của cự ly chạy đà công bố (TORA) cộng với chiều dài của dải quang nếu có.

+ *Cự ly có thể dừng khẩn cấp (Accelerate-stop distance: ASDA)* là phần chiều dài thực của cự ly chạy đà (TORA) cộng với chiều dài của dải hãm phanh đầu, hay còn gọi là dải hãm đầu.

+ *Cự ly có thể hạ cánh (Landing distance available: LDA)* là phần chiều dài hạ cánh thực của đường CHC được công bố và thích hợp cho tàu bay tính toán hạ cánh chạy trên mặt đất.

- *Đèn tín hiệu hàng không mặt đất (Aeronautical ground light)* là đèn chuyên dùng để phụ trợ dẫn đường hàng không mà không phải là đèn gắn trên tàu bay.

- *Điểm quy chiếu sân bay (Aerodrome Reference Point)* là điểm đánh dấu vị trí địa lý của sân bay.

- *Đường cất hạ cánh (CHC)* là một khu vực hình chữ nhật được xác định trên mặt đất tại khu bay dùng cho tàu bay cất cánh và hạ cánh.

- *Đường CHC không có trang thiết bị (Non-instrument runway)* là đường CHC dùng cho tàu bay hoạt động theo các quy tắc bay bằng mắt.

- *Đường CHC tiếp cận giản đơn* là đường CHC được trang bị các phương tiện bằng mắt và một phương tiện không bằng mắt đủ đảm bảo hướng dẫn được tàu bay tiếp cận thẳng vào hạ cánh.

- *Đường CHC tiếp cận chính xác CAT I* là đường CHC được trang bị hệ thống thiết bị ILS và/hoặc MLS và hệ thống trợ giúp bằng mắt phục vụ cho tàu bay hoạt động với độ cao quyết định không thấp hơn 60 m và tầm nhìn xa không nhỏ hơn 800 m hoặc tầm nhìn trên đường CHC không nhỏ hơn 550 m.



- *Đường CHC tiếp cận chính xác CAT II* là đường CHC được trang bị hệ thống thiết bị ILS và/hoặc MLS và hệ thống trợ giúp bằng mắt phục vụ cho tàu bay hoạt động với độ cao quyết định thấp hơn 60 m nhưng không được thấp hơn 30 m và tầm nhìn trên đường CHC không nhỏ hơn 300 m.

- *Đường CHC tiếp cận chính xác CAT III* là đường CHC được trang bị hệ thống thiết bị ILS và/hoặc MLS dọc theo bề mặt đường CHC, được chia làm 3 loại:

A - Dự định cho tàu bay hoạt động với độ cao quyết định thấp hơn 30 m hoặc không có độ cao quyết định và tầm nhìn trên đường CHC không nhỏ hơn 175 m.

B - Dự định cho tàu bay hoạt động với độ cao quyết định thấp hơn 15 m hoặc không có độ cao quyết định và tầm nhìn trên đường CHC nhỏ hơn 175 m nhưng không được nhỏ hơn 50 m.

C - Dự định cho tàu bay hoạt động không có độ cao quyết định và không hạn chế tầm nhìn trên đường CHC.

- *Dải CHC (Runway strip)* là khu vực được xác định bao gồm cả đường CHC và dải hãm phanh đầu (nếu có) dùng để:

+ Giảm hư hỏng tàu bay khi nó lăn ra khỏi đường CHC;

+ Bảo đảm an toàn cho tàu bay bay qua phía trên đường CHC khi hạ cánh hoặc cất cánh.

- *Đường công vụ* là đường được xác định trên mặt đất của cảng hàng không sử dụng cho người và các phương tiện làm nhiệm vụ di chuyển từ khu vực này đến khu vực khác của cảng hàng không.

- *Đường lăn* là đường được xác định trên mặt đất của cảng hàng không dùng cho tàu bay lăn từ khu vực này đến khu vực khác của cảng hàng không.

- *Dải đường lăn (Taxiway strip)* là khu vực bao gồm đường lăn và phần mở rộng để bảo vệ tàu bay hoạt động trên đường lăn và giảm nguy cơ hư hại khi tàu bay bị lăn ra ngoài đường lăn.

- *Dải quang (Clearway)* là một khu vực mặt đất hoặc mặt nước hình chữ nhật không có chướng ngại vật được người có thẩm quyền quản lý, lựa chọn hay chuẩn bị thành một khu vực thuận tiện cho tàu bay thực hiện một đoạn cất cánh ban đầu đến một độ cao quy định ở phía trên nó.

- *Dải hãm phanh đầu (Stopway)* là khu vực xác định trên mặt đất hình chữ nhật ở cuối chiều dài chạy đà công bố, được chuẩn bị cho tàu bay dừng trong trường hợp cất cánh hụt, còn có thể gọi là dải hãm đầu.

- *Hệ thống quản lý an toàn (Safety management system)* là hệ thống quản lý an toàn trên sân bay bao gồm các tổ chức hành chính, các quy định, chức năng, quy trình, trang thiết bị để nhà khai thác thực thi ngay lập tức công tác đảm bảo an toàn và cứu trợ sân bay.

- *Lề đường (Shoulder)* là khu vực tiếp giáp với mép mặt đường được chuẩn bị tốt nhằm đảm bảo chuyển tiếp êm thuận giữa mặt đường và bề mặt tiếp giáp.

- *Người khai thác cảng hàng không, sân bay* là tổ chức được cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay.

- *Ngưỡng đường CHC (Threshold)* là nơi bắt đầu của phần đường CHC dùng cho tàu bay hạ cánh.

- *Mã hiệu sân bay* là mã chuẩn sân bay, gồm 2 thành phần là “Mã số” và “Mã chữ” được chọn cho mục đích quy hoạch sân bay phù hợp với những tính năng của tàu bay mà công trình sân bay dự kiến phục vụ.

*Thành phần 1 “Mã số”* từ 1 đến 4 được xác định căn cứ vào giá trị chiều dài đường cất hạ cánh chuẩn sử dụng cho tàu bay dùng đường cất hạ cánh đó.

*Thành phần 2 “Mã chữ”* từ A đến F được xác định căn cứ vào chiều dài sải cánh tàu bay và khoảng cách giữa mép ngoài của các bánh ngoài của hai càng chính tàu bay.

**Bảng 1 - Mã hiệu sân bay**

Thành phần 1 - Mã số		Thành phần 2 - Mã chữ		
Mã số	Chiều dài đường cất hạ cánh chuẩn sử dụng cho tàu bay dùng đường cất hạ cánh đó m	Mã chữ	Sải cánh tàu bay m	Khoảng cách giữa mép ngoài của các bánh ngoài của hai càng chính tàu bay m
1	Nhỏ hơn 800	A	Nhỏ hơn 15	Nhỏ hơn 4,5
2	Từ 800 đến nhỏ hơn 1200	B	Từ 15 đến nhỏ hơn 24	Từ 4,5 đến nhỏ hơn 6
3	Từ 1200 đến nhỏ hơn 1800	C	Từ 24 đến nhỏ hơn 36	Từ 6 đến nhỏ hơn 9
4	Bằng và lớn hơn 1800	D	Từ 36 đến nhỏ hơn 52	Từ 9 đến nhỏ hơn 14
		E	Từ 52 đến nhỏ hơn 65	Từ 9 đến nhỏ hơn 14
		F	Từ 65 đến nhỏ hơn 80	Từ 14 đến nhỏ hơn 16

- *Khu bay* là phần sân bay dùng cho tàu bay cất cánh, hạ cánh và lăn bao gồm cả khu cất hạ cánh và các sân đỗ tàu bay.

- *Khu vực an toàn tại vị trí đỗ tàu bay (Aircraft Safety Area on the Parking)* là khu vực hạn chế nằm trong ranh giới có đường kẻ màu đỏ xung quanh khu vực đỗ của tàu bay.

- *Khu vực bảo hiểm đầu đường CHC (RESA) (Runway end safety area)* là khu vực nằm đối xứng ở hai bên đường tim kéo dài của đường CHC tiếp giáp với cạnh cuối đường CHC nhằm giảm nguy cơ hư hỏng tàu bay khi nó chạm bánh trước đường CHC hoặc chạy vượt ra ngoài đường CHC.

- *Sân bay* là khu vực xác định được xây dựng để đảm bảo cho tàu bay cất cánh, hạ cánh và di chuyển.

- *Sân đỗ tàu bay* là khu vực được xác định trong cảng hàng không dành cho tàu bay đỗ để phục vụ hành khách lên, xuống; xếp, dỡ hành lý, thư, bưu phẩm, bưu kiện, hàng hoá; tiếp nhiên liệu; cung ứng suất ăn; phục vụ kỹ thuật hoặc bảo dưỡng tàu bay.
- *Sân quay đầu đường CHC (Runway turn pad)* là khu vực được xác định giáp cạnh bên đường CHC sân bay dùng cho tàu bay quay đầu 180 độ để trở về đường CHC.
- *Son tín hiệu (Marking)* là một hay một nhóm sơn kẻ trên bề mặt của khu bay nhằm mục đích chỉ dẫn cho tàu bay trong quá trình hạ, cất cánh, lăn trên khu bay, chỉ dẫn cho các phương tiện mặt đất hoạt động trên sân đỗ tàu bay đi đúng phần đường, đúng hướng nhằm đảm bảo an toàn cho hoạt động bay.
- *Vị trí chờ lên đường CHC* là vị trí được lựa chọn để bảo vệ đường cất hạ cánh, bề mặt giới hạn chướng ngại vật hoặc khu vực tới hạn/khu vực nhảy của hệ thống thiết bị ILS/MLS mà ở đó tàu bay và phương tiện đang vận hành phải dừng lại để chờ huấn lệnh của kiểm soát viên không lưu cho phép được lăn tiếp, nhằm mục đích đảm bảo an toàn khai thác cho đường cất hạ cánh, không ảnh hưởng đến bề mặt giới hạn chướng ngại vật và độ chính xác của hệ thống thiết bị ILS/MLS.
- *Vị trí đỗ tàu bay* là vị trí trên sân đỗ tàu bay dành cho một tàu bay đỗ.
- *Vị trí chờ trung gian (Intermediate holding position)* là vị trí được lựa chọn nhằm kiểm soát giao thông điều hành tàu bay đang lăn và các phương tiện giao thông dừng lại tại đó chờ đài kiểm soát sân bay cho phép đi tiếp.
- *Vùng chạm bánh (Touch down zone)* là một phần đường CHC kể từ ngưỡng đường CHC trở vào cho phép tàu bay tiếp xúc bánh đầu tiên với đường CHC khi hạ cánh.
- *Vùng không có chướng ngại vật (Obstacle free zone - OFZ)* là khoảng không gian phía trên bề mặt tiếp cận trong, bề mặt chuyển tiếp trong, bề mặt tiếp cận huyệt OFZ và phần của dải được giới hạn bởi các bề mặt đó, không bị một CNV cố định nào nhô lên, trừ CNV nhẹ dễ gãy, phục vụ mục đích dẫn đường hàng không.

### **1.5.2 Thuật ngữ viết tắt**

- ACN (Aircraft Classification Number): Chỉ số phân cấp tàu bay.
- AIP (Aeronautical Information Publication): Tập thông báo tin tức hàng không.
- AIS (Aeronautical Information Services): Cơ sở cung cấp dịch vụ thông báo tin tức hàng không.
- ANS (Air Navigation Services): Dịch vụ dẫn đường hàng không.
- ASDA (Accelerate - Stop Distance Available): Cự ly có thể dừng khẩn cấp.
- CAT (Category): Cấp
- CHC: Cất hạ cánh.

- CNV: Chương ngại vật.
- DME (Distance Measuring Equipment): Thiết bị đo khoảng cách.
- ICAO (International Civil Aviation Organization): Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế.
- ILS (Instrument Landing System): Hệ thống hạ cánh bằng thiết bị.
- LDA (Landing Distance Available): Cự ly hạ cánh có thể.
- NOTAM (Notice To Airmen): Điện văn thông báo tin tức hàng không.
- OLS (Obstacle Limitation Surface): Bề mặt giới hạn chương ngại vật.
- PCN (Pavement Classification Number): Chỉ số phân cấp mặt đường.
- POFZ (Precision Obstacle Free Zone): Khu vực không được phép có chương ngại vật.
- TODA (Take - Off Distance Available): Cự ly cất cánh có thể.
- TORA (Take - Off Run Available): Cự ly chạy đà có thể.
- VOR (Very High Frequency Omnidirectional Radio Range): Đài dẫn đường đa hướng sóng cực ngắn.
- WGS (World Geodetic System): Hệ thống đo đạc toàn cầu.

## **CHƯƠNG II**

### **QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM**

#### **2.1. Hệ thống giám sát an toàn Cục HKVN**

##### **2.1.1. Giới thiệu khái quát**

Cục HKVN là nhà chức trách hàng không của Việt Nam, quốc gia thành viên ICAO, có trách nhiệm xây dựng và vận hành hệ thống giám sát an toàn hàng không phù hợp với các quy định của ICAO tại Tài liệu Doc 9734, Doc 8335 và điều kiện, quy mô phát triển thực tế của ngành hàng không dân dụng Việt Nam.

##### **2.1.2. Sơ đồ tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Cục HKVN**

Cục HKVN thiết lập tổ chức hệ thống giám sát an toàn hàng không phù hợp với quy định của ICAO tại Tài liệu Doc 9734 Phần A và Tài liệu Doc 8335 để thực hiện công tác giám sát an toàn hàng không phù hợp với các quy định của ICAO. Chức năng và nhiệm vụ của Cục HKVN được quy định tại Quyết định số 94/2009/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Cục HKVN có trách nhiệm tuyển dụng, bổ nhiệm các giám sát viên an toàn hàng không trên các lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay, quản lý hoạt động bay, quản lý cảng hàng không sân bay cho hệ thống giám sát an toàn hàng không để đảm bảo thực hiện tốt chức năng giám sát an toàn trên cơ sở đáp ứng các quy định của ICAO. Các giám sát viên an toàn này được cấp thẻ kiểm tra an toàn hàng không và được phép tiếp cận không hạn chế tới các khu vực của sân bay, cơ sở khai thác, bảo dưỡng tàu bay, đơn vị cung cấp dịch vụ quản lý bay để thực hiện công tác kiểm tra việc tuân thủ các quy định về an toàn hàng không.

Cục HKVN thiết lập hệ thống giám sát và đảm bảo an toàn hàng không theo nguyên tắc tập trung từ Cục trưởng, Phó Cục trưởng phụ trách an toàn và hệ thống cơ quan giúp việc về phê chuẩn, giám sát an toàn trên từng lĩnh vực như tàu bay và khai thác tàu bay, quản lý hoạt động bay và quản lý cảng hàng không, sân bay tới các Cảng vụ hàng không có trách nhiệm thực hiện công tác giám sát thường xuyên việc tuân thủ các quy định an toàn hàng không tại các cảng hàng không, sân bay.

##### **2.1.3 Hệ thống giám sát an toàn**

- Phòng Tiêu chuẩn an toàn bay: Cơ quan tham mưu cho Cục HKVN chịu trách nhiệm giám sát an toàn về lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay (Chức năng, nhiệm vụ của Phòng TCATB được quy định tại Quyết định số 1872/QĐ-CHK ngày 09 tháng 6 năm 2010 của Cục trưởng Cục HKVN).

- Phòng Quản lý hoạt động bay: Cơ quan tham mưu cho Cục HKVN chịu trách nhiệm giám sát an toàn về lĩnh vực quản lý hoạt động bay (Chức năng, nhiệm vụ của Phòng QLHĐB được quy định tại Quyết định số 1871/QĐ-CHK ngày 09 tháng 6 năm 2010 của Cục trưởng Cục HKVN).

- Phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay: Cơ quan tham mưu cho Cục HKVN chịu trách nhiệm giám sát an toàn về lĩnh vực quản lý cảng hàng không,

sân bay (Chức năng, nhiệm vụ Phòng QLCHKSB được quy định tại Quyết định 1873/QĐ-CHK ngày 09 tháng 6 năm 2010 của Cục trưởng Cục HKVN).

- Cảng vụ hàng không: Cảng vụ hàng không là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hàng không dân dụng tại cảng hàng không, sân bay (Tổ chức và hoạt động của Cảng vụ hàng không được quy định tại Quyết định số 27/2007/QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

#### 2.1.4 Các bộ phận cấu thành Chương trình An toàn quốc gia Việt nam (SSPV)

ASMRC – Hội đồng kiểm soát rủi ro an toàn hàng không (mô tả chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức tại phần 3.5.1 Chương trình An toàn Quốc gia lĩnh vực hàng không dân dụng ban hành kèm theo Quyết định số 1189/QĐ-BGTVT ngày 7/5/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc phê duyệt Chương trình An toàn Quốc gia lĩnh vực HKDD).

ASICA – Bộ phận thu thập và phân tích dữ liệu an toàn hàng không (mô tả chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức tại phần 1.3.2 Chương trình An toàn Quốc gia lĩnh vực hàng không dân dụng ban hành kèm theo Quyết định số 1189/QĐ-BGTVT ngày 7/5/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc phê duyệt Chương trình An toàn Quốc gia lĩnh vực HKDD).

ASST – Nhóm tiêu chuẩn hóa an toàn hàng không (mô tả chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức tại phần 1.1.1 Chương trình An toàn Quốc gia lĩnh vực hàng không dân dụng ban hành kèm theo Quyết định số 1189/QĐ-BGTVT ngày 7/5/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc phê duyệt Chương trình An toàn Quốc gia lĩnh vực HKDD).

## 2.2. Trách nhiệm của Cục HKVN

Cục HKVN là cơ quan quản lý nhà nước về hàng không dân dụng thực hiện chức năng giám sát an toàn hàng không tại cảng hàng không, sân bay, bao gồm cả hệ thống quản lý an toàn cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm cụ thể sau đây:

- Tổ chức hệ thống quản lý an toàn hàng không; kiểm tra, thanh tra, giám sát về bảo đảm an toàn hàng không tại cảng hàng không, sân bay; điều tra và báo cáo các trường hợp không tuân thủ; thông báo những vi phạm về quy định tới các tổ chức, cá nhân có hoạt động khai thác tại cảng hàng không, sân bay; có những biện pháp xử lý trong trường hợp các tổ chức, cá nhân có hoạt động khai thác tại cảng hàng không, sân bay không tuân thủ các quy định về pháp luật hàng không dân dụng hiện hành;

- Thiết lập hoặc thuê tổ chức, tuyển dụng hoặc thuê nhân viên kỹ thuật có chuyên môn phù hợp, đủ năng lực để thực hiện việc kiểm tra, đánh giá và đưa ra những khuyến cáo liên quan đến việc cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận, thực hiện chức năng giám sát và bảo đảm an toàn tại cảng hàng không, sân bay;

- Trực tiếp triển khai thực hiện áp dụng các quyết định, nghị quyết, tiêu chuẩn, khuyến cáo thực hành, hướng dẫn của các tổ chức hàng không quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

- Ban hành các văn bản hướng dẫn, yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ, tiêu chuẩn cơ sở để triển khai áp dụng các quy định về an toàn cảng hàng không, sân bay.

### **2.3. Trách nhiệm của Cảng vụ hàng không**

Cảng vụ hàng không là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hàng không dân dụng tại cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm thực hiện công tác giám sát thường xuyên việc tuân thủ các quy định an toàn hàng không tại các cảng hàng không, sân bay, cụ thể như sau:

- Quản lý toàn bộ diện tích đất cảng hàng không, sân bay được giao để xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay; tổ chức thực hiện và quản lý việc xây dựng các công trình trên mặt đất, mặt nước, dưới lòng đất tại cảng hàng không, sân bay theo đúng quy hoạch và dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về:

+ Việc thực hiện quy hoạch và kế hoạch phát triển cảng hàng không, sân bay;

+ Tiêu chuẩn an toàn hàng không, an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay và trong khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay;

+ Trật tự công cộng, bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay;

+ Khai thác vận chuyển hàng không tại cảng hàng không, sân bay;

+ Khai thác cảng hàng không, sân bay, trang bị, thiết bị kỹ thuật cảng hàng không, sân bay;

+ Cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay tại cảng hàng không, sân bay;

+ Sử dụng đất cảng hàng không, sân bay.

- Phối hợp với doanh nghiệp cảng hàng không thực hiện phương án khẩn nguy, cứu nạn, xử lý sự cố và tai nạn tàu bay xảy ra trong khu vực cảng hàng không, sân bay và khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay.

- Quyết định đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay.

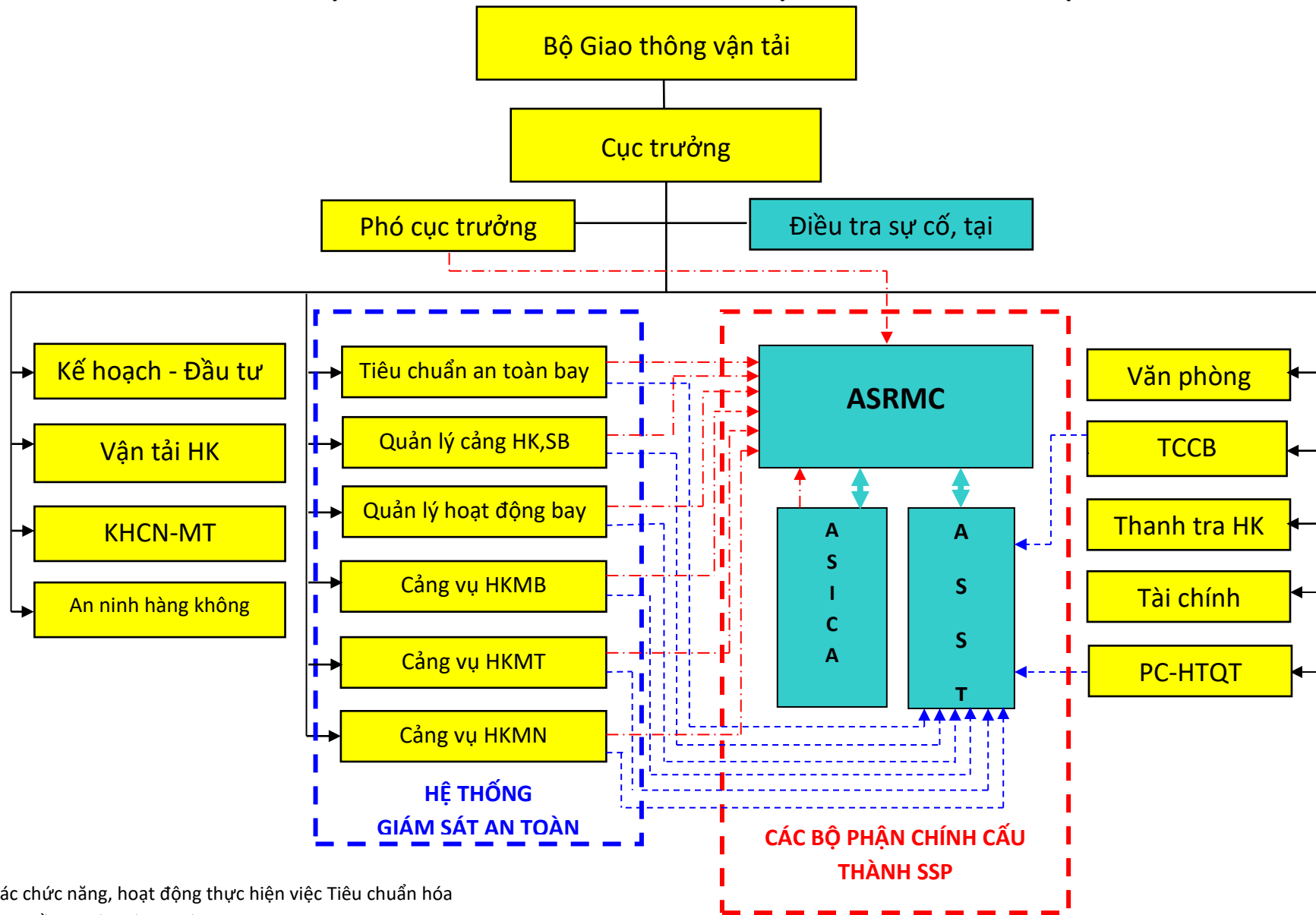
- Đình chỉ việc xây dựng, cải tạo công trình, lắp đặt trang bị, thiết bị, trồng cây trong khu vực cảng hàng không, sân bay; kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ việc xây dựng, cải tạo công trình, lắp đặt trang bị, thiết bị, trồng cây trong khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay vi phạm quy hoạch cảng hàng không, sân bay, quy định về quản lý chương ngại vật, gây uy hiếp an toàn cho hoạt động bay tại cảng hàng không, sân bay.

- Xử lý hành vi vi phạm pháp luật theo thẩm quyền.

- Chuyển giao hoặc phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải quyết vụ việc phát sinh tại cảng hàng không, sân bay.

- Đình chỉ thực hiện chuyến bay; yêu cầu tàu bay hạ cánh tại cảng hàng không, sân bay; khám xét, tạm giữ tàu bay; thực hiện lệnh bắt giữ tàu bay; đình chỉ hoạt động của thành viên tổ bay không đáp ứng yêu cầu về an toàn hàng không, an ninh hàng không.

# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HỆ THỐNG GIÁM SÁT AN TOÀN CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM



- - - - Các chức năng, hoạt động thực hiện việc Tiêu chuẩn hóa các quy định về an toàn hàng không;
- . . . Các chức năng kiểm soát rủi ro của Chương trình an toàn quốc gia.



## **2.4. Trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân**

- Duy trì các điều kiện hoạt động, khai thác tại cảng hàng không, sân bay theo quy định; thực hiện hệ thống kiểm tra giám sát nội bộ để đảm bảo chất lượng cung cấp dịch vụ;

- Tuân thủ các yêu cầu, quy định về công tác an toàn tại cảng hàng không, sân bay và các hướng dẫn cụ thể của Cục HKVN liên quan đến hoạt động của mình;

- Tuân thủ các yêu cầu, quy định về bảo đảm an ninh hàng không;

- Tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo hướng dẫn của Cục HKVN và các quy định hiện hành;

- Lập và lưu giữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động của mình theo quy định và các hướng dẫn cụ thể của Cục HKVN;

- Cung cấp giấy tờ, tài liệu, hồ sơ theo yêu cầu của người có thẩm quyền;

- Trưng bày Giấy chứng nhận được cấp cho tổ chức tại nơi dễ nhìn thấy của trụ sở chính; mang theo giấy phép, chứng chỉ được cấp cho cá nhân khi thực hiện công việc được ghi trong giấy phép.

## **2.5. Giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay.**

2.5.1. Bổ nhiệm giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay:

a) Tiêu chuẩn giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay:

- Tốt nghiệp đại học thuộc chuyên ngành kỹ thuật, xây dựng hoặc pháp luật;

- Có tối thiểu 5 năm làm việc trong lĩnh vực quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Có khả năng thành thạo tiếng Anh theo quy định (khả năng đọc, hiểu, nói và nghe);

- Có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện về pháp luật hàng không dân dụng, tiêu chuẩn khai thác cảng hàng không, sân bay, công tác giám sát an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay do Cục HKVN hoặc cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện cấp.

b) Cục HKVN bổ nhiệm các giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay là cán bộ, chuyên viên của Cục HKVN và Cảng vụ hàng không đáp ứng các điều kiện tại khoản a mục này để thực hiện chức năng giám sát, bảo đảm an toàn tại cảng hàng không, sân bay. Các giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay phải được Cục HKVN cấp thẻ giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay để thực hiện nhiệm vụ của mình.

2.5.2. Quyền hạn của giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay:

a) Tiến hành giám sát, kiểm định, kiểm tra, giám định, điều tra, kiểm chứng đối với các hoạt động khai thác cảng hàng không, sân bay, cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay;

b) Tiếp cận vào bất kỳ thời điểm nào, bất kỳ khu vực nào có hoạt động khai thác cảng hàng không, sân bay, hoạt động cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát;

c) Yêu cầu bất kỳ người nào đưa ra các tài liệu hoặc vật chứng có liên quan đến sự cố mất an toàn hàng không hoặc phục vụ điều tra vụ việc vi phạm;

d) Kiểm tra và sao chép các giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ, nhật ký kỹ thuật, tài liệu hoặc hồ sơ liên quan đến việc quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

đ) Đình chỉ việc cung cấp dịch vụ, hoạt động của nhân viên hàng không tại cảng hàng không, sân bay nhằm phòng ngừa, ngăn chặn khả năng uy hiếp an toàn hàng không, gây cháy nổ tại cảng hàng không, sân bay, phục vụ điều tra sự cố; lập biên bản về vụ việc, sự cố xảy ra đồng thời báo cáo ngay cho Cục HKVN.

2.5.3. Giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay khi thực hiện nhiệm vụ phải đeo thẻ giám sát viên và phải chịu trách nhiệm về hoạt động của mình.

## **CHƯƠNG III**

### **KIỂM TRA AN TOÀN CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY**

#### **3.1. Nguyên tắc chung**

3.1.1. Kiểm tra an toàn cảng hàng không, sân bay được thực hiện bởi lực lượng giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay của Cục HKVN, Cảng vụ Hàng không để đánh giá mức độ an toàn thực tế các hoạt động khai thác cảng hàng không, sân bay; đánh giá hệ thống quản lý an toàn cảng hàng không, sân bay; đánh giá việc tuân thủ các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy trình khai thác và chất lượng cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay đối với các tổ chức, cá nhân được cấp giấy chứng nhận, giấy phép cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay.

3.1.2. Các tổ chức, cá nhân được Cục HKVN cấp giấy chứng nhận, giấy phép phải duy trì các tiêu chuẩn tối thiểu được yêu cầu cho việc ban hành giấy tờ đó.

3.1.3. Bằng các hoạt động kiểm tra nếu Cục HKVN nhận biết được tổ chức, cá nhân được cấp giấy chứng nhận, giấy phép không còn đáp ứng được các tiêu chuẩn tối thiểu để duy trì các giấy tờ đó, căn cứ vào hoàn cảnh, các yếu tố giảm nhẹ và mức độ rủi ro đối với an toàn hàng không, Cục HKVN có thể:

- Đình chỉ giấy phép, giấy chứng nhận;
- Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận;
- Đề nghị phạt tiền theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính;
- Thay đổi nội dung giấy phép, giấy chứng nhận hiện tại;
- Tái kiểm tra để cấp giấy phép, giấy chứng nhận.

#### **3.1.4. Tiến hành kiểm tra.**

- Giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không có thể tiến hành kiểm tra vào bất cứ thời gian và địa điểm nào tại cảng hàng không, sân bay theo quy định.

- Giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không có quyền tiếp cận tự do và liên tục tới bất kỳ địa điểm nào, bất kỳ khu vực nào có hoạt động khai thác cảng hàng không, sân bay, hoạt động cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay để thực hiện công tác kiểm tra an toàn;

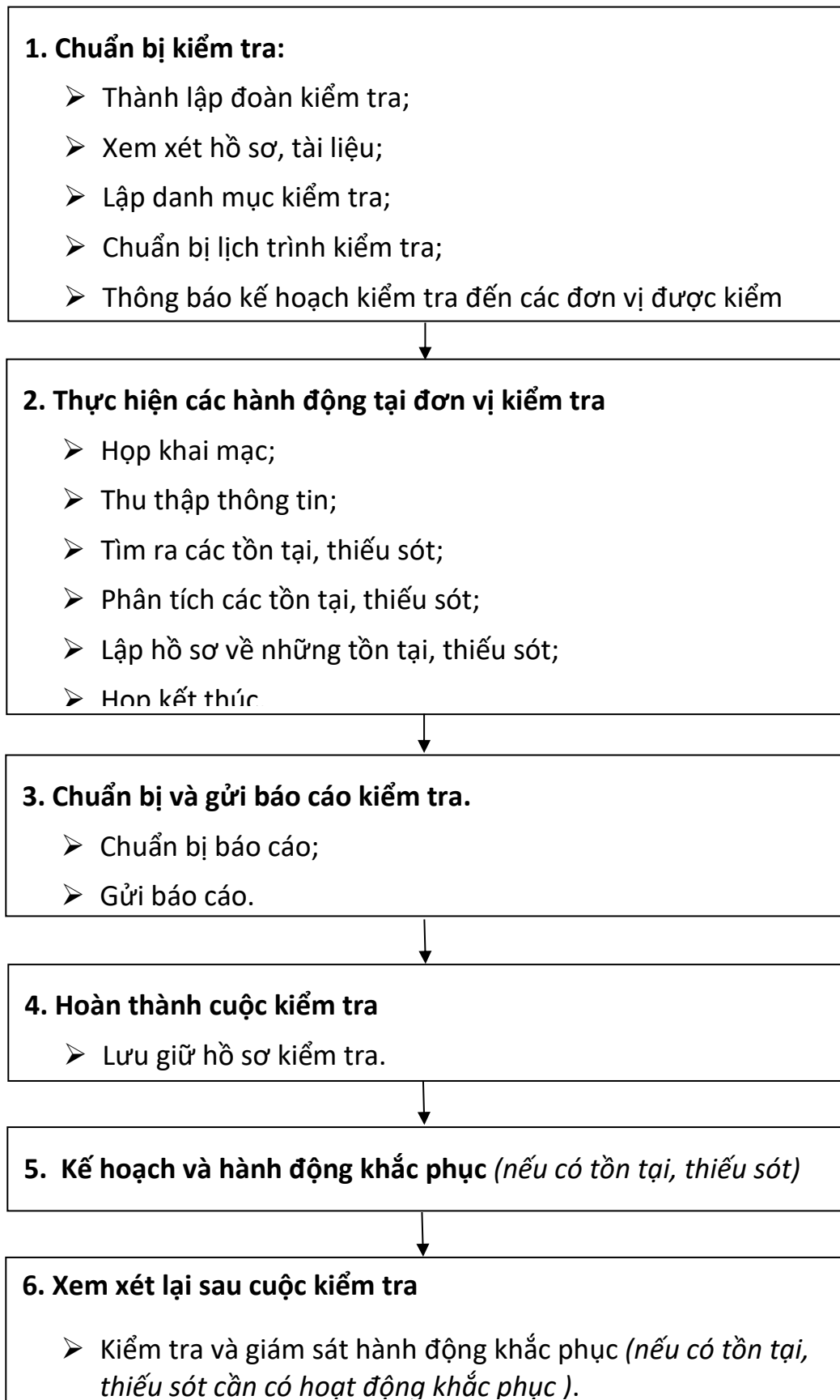
- Không ai được phép cố ý can thiệp hoặc cản trở giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không tiếp cận các địa điểm để thực hiện công tác kiểm tra an toàn.

#### **3.1.5. Cung cấp tài liệu kiểm tra**

- Bất cứ tài liệu hoặc báo cáo liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận, giấy phép phải được cung cấp cho giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không theo yêu cầu của người đó.

- Mỗi người liên quan, sau khi được giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không yêu cầu thì phải cung cấp tài liệu theo quy định phải có và bảo quản tài liệu này trong suốt quá trình thực hiện công việc kiểm tra.

### 3.2. Sơ đồ tổng quan về hoạt động kiểm tra:



### **3.3. Kế hoạch, chế độ và tần suất kiểm tra an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay**

a) Kế hoạch kiểm tra: Hàng năm, Cục HKVN, Cảng vụ Hàng không lập kế hoạch kiểm tra an toàn khai thác tất cả các cảng hàng không, sân bay. Việc lựa chọn cảng hàng không, sân bay để thực hiện công tác kiểm tra an toàn khai thác sẽ theo quyết định của lãnh đạo Cục HKVN, lãnh đạo Cảng vụ Hàng không.

b) Chế độ kiểm tra: Kiểm tra định kỳ theo kế hoạch, kiểm tra đột xuất, kiểm tra không báo trước.

c) Tần suất kiểm tra:

- Đối với việc kiểm tra định kỳ: Mỗi một cảng hàng không, sân bay phải được kiểm tra về công tác an toàn khai thác tối thiểu là 01 lần/năm

- Đối với việc kiểm tra đột xuất: Trong những tình huống nhất định, hoặc sau khi xảy ra các sự cố, tai nạn, Cục HKVN, Cảng vụ Hàng không có thể tiến hành kiểm tra đột xuất các cảng hàng không về công tác an toàn khai thác tại các cảng hàng không, sân bay.

- Đối với việc kiểm tra không thông báo trước: Vì lý do đảm bảo an toàn Giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không (theo yêu cầu của Cục HKVN hoặc Cảng vụ hàng không) có thể tiến hành kiểm tra công tác an toàn tại cảng hàng không mà không cần báo trước cho đối tượng được kiểm tra.

d) Thông báo kế hoạch kiểm tra:

- Đối với chế độ kiểm tra định kỳ và đột xuất phải thông báo trước 3 ngày làm việc cho đối tượng được kiểm tra biết về: Thời gian, thành phần đoàn kiểm tra, nội dung và phạm vi kiểm tra.

- Đối với chế độ kiểm tra không thông báo trước: Không thông báo trước cho đơn vị được kiểm tra, tuy nhiên khi tiến hành kiểm tra người kiểm tra phải thông báo về nội dung, phạm vi kiểm tra và nêu rõ lý do cho đối tượng được kiểm tra biết.

e) Cách thức kiểm tra: Tùy thuộc vào chế độ kiểm tra, mục đích, nội dung và phạm vi kiểm tra có thể tiến hành trình tự theo các bước (hoặc có thể lược bỏ một số bước) được trình bày trong Chương IV.

## **CHƯƠNG IV**

### **CÁCH THỨC KIỂM TRA CÔNG TÁC AN TOÀN**

Quy trình kiểm tra hệ thống an toàn về cơ bản bao gồm các bước như sau: Công tác chuẩn bị cho cuộc kiểm tra; tiến hành kiểm tra tại cơ sở; lập hồ sơ các phát hiện, báo cáo.

#### **4.1. Công tác chuẩn bị cho cuộc kiểm tra**

- Thành lập Đoàn kiểm tra
- Xem xét hồ sơ, tài liệu;
- Lập danh mục kiểm tra;
- Chuẩn bị lịch trình kiểm tra;
- Thông báo kế hoạch kiểm tra cho các đơn vị được kiểm tra.

##### **4.1.1. Thành lập Đoàn kiểm tra:**

Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không thành lập Đoàn kiểm tra công tác an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay với thành phần phù hợp với mục đích, nội dung và phạm vi của cuộc kiểm tra. Các thành viên và Trưởng Đoàn kiểm tra có trách nhiệm như sau:

##### **a) Trách nhiệm của các thành viên đoàn kiểm tra:**

- Tuân thủ các quy định, quy trình kiểm tra;
- Đưa ra các yêu cầu kiểm tra (nếu cần thiết);
- Lập kế hoạch và chuẩn bị cho cuộc kiểm tra;
- Thực hiện việc kiểm tra;
- Đối chiếu tài liệu trong khi kiểm tra;
- Báo cáo kết quả kiểm tra;
- Ghi chép những vấn đề phát hiện thấy vào cơ sở dữ liệu kiểm tra của các tổ chức hoạt động được kiểm tra tại cảng hàng không, sân bay;
- Đảm bảo các hành động khắc phục và phòng ngừa được theo dõi đến khi hoàn thành;
- Bảo quản tất cả các tài liệu liên quan đến cuộc kiểm tra;
- Duy trì độ tin cậy, xử lý các thông tin mật thận trọng.

##### **b) Trách nhiệm của Trưởng đoàn kiểm tra: Ngoài trách nhiệm trên, Trưởng đoàn kiểm tra còn phải có trách nhiệm sau:**

- Phân công trách nhiệm cho thành viên trong đoàn;
- Chuẩn bị thời gian biểu của đoàn kiểm tra;
- Giải quyết tất cả các vấn đề liên quan đến chương trình và hướng dẫn trước cuộc kiểm tra;

- Tiến hành khai mạc cuộc kiểm tra (nếu có);
- Chỉ đạo và hỗ trợ đoàn kiểm tra trong suốt quá trình kiểm tra;
- Đưa ra và giải quyết các vấn đề với lãnh đạo các đơn vị trong suốt quá trình kiểm tra;
  - Đảm bảo rằng các vấn đề được phát hiện phải có đầy đủ căn cứ và phải được ghi nhận;
  - Dự thảo báo cáo kiểm tra;
  - Tiến hành cuộc họp kết thúc đợt kiểm tra;
  - Đưa ra các vấn đề phát hiện được, nhận dạng các yếu tố liên quan, nêu các hành động cần khắc phục và ngăn ngừa.

#### 4.1.2. Xem xét hồ sơ, tài liệu:

4.1.2.1. Tùy thuộc vào phạm vi hoạt động của các tổ chức được cấp Giấy chứng nhận khai thác hoặc cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay mà yêu cầu các tổ chức đó cung cấp những tài liệu cần thiết để xem xét. Thông thường, các tài liệu dưới đây cần được xem xét trước khi mỗi cuộc kiểm tra được tiến hành:

- Tài liệu chứng minh về bộ máy tổ chức, đội ngũ nhân viên được cấp chứng chỉ phù hợp, đáp ứng yêu cầu chuyên môn, khai thác tại cảng hàng không, sân bay;
- Các quy trình khai thác, các quy trình tác nghiệp liên quan đến đối tượng kiểm tra; Hệ thống quản lý an toàn; Kế hoạch khẩn nguy cảng hàng không, sân bay (đối với cảng hàng không, sân bay),
- Các quy định, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến đối tượng kiểm tra;
- Sơ đồ vị trí, các mô tả về phạm vi và lĩnh vực hoạt động của tổ chức được kiểm tra;
  - Sổ theo dõi đối với các phương tiện và thiết bị;
  - Các báo cáo của các lần kiểm tra trước đây;
  - Các thông tin có trong bảng câu hỏi trước khi kiểm tra (nếu có).

4.1.2.2. Mục đích của việc xem xét này là để xác định tình trạng của các hồ sơ, tài liệu của đơn vị được kiểm tra và để xác định phạm vi chính cần được xem xét và phân tích khi triển khai kiểm tra thực tế. Cần có sự quan tâm đặc biệt đối với các hạng mục không phù hợp được phát hiện trước đây từ các báo cáo lần trước. Việc xem xét này cũng sẽ hỗ trợ để lập các danh mục kiểm tra.

4.1.2.3. Bảng câu hỏi trước khi kiểm tra có thể cung cấp các thông tin hữu ích về đối tượng được kiểm tra. Bảng câu hỏi này sẽ được lập và chuyển đến cho các tổ chức được kiểm tra để họ chuẩn bị tài liệu và giải trình trước các nội dung mà đoàn kiểm tra yêu cầu hoặc sẽ kiểm tra.

#### 4.1.3. Chuẩn bị danh mục kiểm tra:

4.1.3.1. Mục đích của danh mục kiểm tra là giúp thành viên kiểm tra không bỏ sót các khoản mục kiểm tra; giúp thành viên kiểm tra tiến hành theo trình tự logic của công việc; yêu cầu thành viên kiểm tra phải tìm hiểu và chuẩn bị kỹ nội dung kiểm tra; được sử dụng để ghi lại các nhận xét; được sử dụng để quản lý thời gian; là một trong những tài liệu hồ sơ kiểm tra.

4.1.3.2. Danh mục kiểm tra cung cấp một hệ khung cho việc kiểm tra từ đó cho phép tiến hành kiểm tra một cách tiêu chuẩn và phù hợp. Tiêu chuẩn hóa việc tiến hành kiểm tra nhằm đảm bảo tính khách quan, công bằng, đáng tin cậy. Ngoài ra, điều này cũng mang đến một mức độ rõ ràng cho tất cả các tổ chức được kiểm tra.

4.1.3.3. Trưởng đoàn kiểm tra phê duyệt danh mục kiểm tra và phân phối đến các thành viên của đoàn trước cuộc kiểm tra. Danh mục kiểm tra mẫu được xây dựng cho từng lĩnh vực của cảng hàng không, sân bay và được đính kèm tại các phụ lục trong sổ tay này. Tuy nhiên do quy mô, đặc điểm và điều kiện khai thác của các cảng hàng không, sân bay có thể có sự khác biệt, vì vậy trước khi kiểm tra các hạng mục của cảng hàng không nào đó cần phải lập danh mục kiểm tra cụ thể đối với từng hạng mục của cảng hàng không đó.

4.1.4. Chuẩn bị lịch trình kiểm tra: Trưởng đoàn kiểm tra xây dựng lịch trình kiểm tra. Khi xây dựng lịch trình kiểm tra, trưởng đoàn cần phải xem xét các yếu tố sau:

- Các khu vực/các hoạt động/các đơn vị được kiểm tra;
- Xác định các đối tượng cần được phỏng vấn;
- Xác định các yêu cầu của cuộc kiểm tra, bao gồm: Hội họp, phỏng vấn, xem xét hồ sơ tài liệu, kiểm tra thực tế tại cơ sở, quan sát các thao tác đối với các nhân viên khi đang thực hiện nhiệm vụ, thảo luận với nhân viên vận hành;
- Ước lượng thời gian cần thiết để hoàn thành các hoạt động được dự kiến trước.
- Lên kế hoạch họp tuyên bố và kết thúc;
- Dự phòng thời gian cho việc xem xét các hồ sơ, tài liệu không nhận được trước cuộc kiểm tra;
- Dự phòng thời gian cho việc chậm trễ và các tình huống xảy ra ngoài dự kiến.

4.1.5. Thông báo kế hoạch kiểm tra: Trước ngày thực hiện kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra thông báo cho tổ chức được kiểm tra về thời gian, địa điểm, nội dung và phạm vi của cuộc kiểm tra.

## **4.2. Thực hiện kiểm tra tại cơ sở**

4.2.1. Mục đích của giai đoạn tiến hành kiểm tra là để thu thập thông tin, sau đó so sánh các thông tin thu thập được với các thông tin chứa trong các hồ sơ, tài liệu của đối tượng được kiểm tra đã được cơ quan có thẩm quyền phê chuẩn. Cụ thể bao gồm:



- Các quy định về hoạt động hàng không dân dụng tại cảng hàng không, sân bay;

- Các tiêu chuẩn về cảng hàng không, sân bay mà các tổ chức hoạt động tại cảng hàng không, sân bay phải tuân thủ;

- Các tài liệu hướng dẫn về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và các tài liệu khác của đối tượng được kiểm tra;

- Các quy trình tác nghiệp, các quy trình cung cấp dịch vụ của các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay.

#### 4.2.2. Các thông tin có thể thu thập bằng cách:

- Quan sát;

- Xem xét tài liệu;

- Phỏng vấn chính thức và không chính thức.

#### 4.2.3. Họp khai mạc:

4.2.3.1. Hoạt động đầu tiên khi bắt đầu kiểm tra là việc tiến hành cuộc họp khai mạc. Mục đích của cuộc họp là để:

- Thiết lập sự trao đổi giữa đoàn kiểm tra và đại diện của tổ chức được kiểm tra;

- Đảm bảo việc hiểu tường tận đối với mục đích của cuộc kiểm tra;

- Giải thích việc kiểm tra sẽ được tiến hành như thế nào;

- Thảo luận với tổ chức được kiểm tra về những yêu cầu hỗ trợ cho đoàn kiểm tra;

- Làm rõ và xác nhận lại về lịch trình kiểm tra;

- Giải quyết các vấn đề quan tâm khác.

4.2.3.2. Ví dụ về nội dung chính của cuộc họp khai mạc theo mẫu tại Phụ lục 3.

#### 4.2.4. Bằng chứng của sự phù hợp

4.2.4.1. Việc quan sát hoạt động của các thiết bị, các hành động và các quy trình khai thác hình thành nên nguồn chứng cứ chính. Các chứng cứ này là cần thiết để xác định việc các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác tại cảng hàng không, sân bay có tuân thủ hoặc không tuân thủ các quy định, quy trình và tiêu chuẩn đã được phê duyệt.

4.2.4.2. Ngoài các chứng cứ trên cần phải thu thập thêm các chứng cứ từ việc đánh giá từng quy trình, trang thiết bị, cơ sở vật chất thông qua việc quan sát và thảo luận để xác định việc tuân thủ đối với các yêu cầu, các quy định, các tiêu chuẩn đã được phê duyệt (Nếu cần thiết).

4.2.4.3. Nếu thấy có sự không phù hợp thì đưa ra các cơ sở, các lập luận để chứng minh sự không phù hợp đó và lập hồ sơ về sự không phù hợp đó (Gồm các chú thích trong danh mục kiểm tra, các hình ảnh minh họa...).

4.2.4.4. Khi tiến hành quan sát quá trình làm việc của những người đang thực thi công việc tại đơn vị được kiểm tra phải đảm bảo không làm ảnh hưởng tới hoạt

động của họ, không làm bất cứ điều gì phá vỡ tiến trình công việc, hoặc lôi kéo sự tập trung của nhân viên ra khỏi nhiệm vụ chính của họ.

4.2.4.5. Ở những nơi thích hợp, có thể xem các quy trình kỹ thuật đang được thực hiện và quan sát các thực hành công việc có liên quan. Xem xét các trang thiết bị và phương tiện được sử dụng, các hướng dẫn công việc được cung cấp và môi trường làm việc.

4.2.4.6. Nhận biết sự không phù hợp, thảo luận về sự không phù hợp này với đại diện của đơn vị ở ngoài khu vực làm việc.

4.2.4.7. Giám sát viên phải thực hiện kiểm tra theo đúng danh mục kiểm tra đã được lập, lưu giữ các thông tin quan sát được.

#### 4.2.5. Phỏng vấn

4.2.5.1. Một nhân tố quan trọng khác của cuộc kiểm tra là việc phỏng vấn các nhân sự được lựa chọn từ các tổ chức hoạt động tại cảng hàng không. Vị trí và chức danh công việc của người được phỏng vấn sẽ xác định loại hình và phạm vi của các câu hỏi được đặt ra đối với người được phỏng vấn. Tốt nhất là phỏng vấn các đại diện cấp cao trước tiên, rồi sau đó là các cuộc phỏng vấn với các chức danh quản lý và các nhân sự chủ chốt như được xác định trong kế hoạch kiểm tra. Việc phỏng vấn này có thể được mở rộng đến các nhân viên riêng biệt nếu thấy cần thiết.

4.2.5.2. Khi phỏng vấn nên hỏi các câu hỏi mở dựa trên danh mục kiểm tra. Dựa vào thông tin nhận được, có thể hỏi những câu hỏi có chuyên môn sâu hơn nếu thấy cần thiết. Tránh hỏi các câu hỏi mà có thể trả lời bằng một từ đơn giản là “có” hoặc “không”. Cố gắng hỏi sâu vào những gì đang diễn ra, chứ không phải những gì có thể xảy ra trong tương lai.

4.2.5.3. Các cuộc phỏng vấn chính thức cần phải được tổ chức cẩn trọng. Mục tiêu của các cuộc phỏng vấn chính thức là để tiếp xúc trực tiếp với các đại diện chủ chốt của các tổ chức hoạt động khai thác tại cảng hàng không, sân bay để thảo luận các vấn đề hiện tại. Việc quan sát tại hiện trường thường được diễn ra trước các cuộc phỏng vấn vì thế kiểm tra viên đã thấy được tình trạng và có thể đã chú ý đến những sự sai biệt hoặc có tính chất khác thường của hệ thống. Bất kỳ sự sai khác nào cũng đều phải được đưa ra cho phía được kiểm tra biết trong các cuộc phỏng vấn sau đó. Địa điểm tổ chức cuộc phỏng vấn cũng quan trọng. Việc chọn các văn phòng của cá nhân thường là lựa chọn tốt nhất, vì việc phỏng vấn tại môi trường làm việc bình thường có thể tạo ra một bầu không khí cởi mở và làm giảm sự căng thẳng giữa người phỏng vấn và người được phỏng vấn. Theo nguyên tắc, kiểm tra viên phải là người đi đến gặp người được kiểm tra. Điều này tốt hơn việc gặp gỡ các cá nhân tại văn phòng của kiểm tra viên và giúp tránh đi cảm giác của một cuộc thẩm vấn.

#### 4.2.6. Lập hồ sơ về sự không phù hợp (các phát hiện) trong khi kiểm tra

4.2.6.1. Hoạt động kiểm tra, giám sát các đơn vị, cá nhân thực hiện công việc so sánh với các quy định, quy trình, tiêu chuẩn khai thác đã được cấp có thẩm

quyền phê duyệt sẽ chỉ ra sự phù hợp và không phù hợp. Sự không phù hợp sẽ được xem là một phát hiện và theo sau nó phải có hành động khắc phục, do vậy nó phải được hỗ trợ bằng các bằng chứng hoặc các chứng cứ về sự không phù hợp, như hình ảnh minh họa hoặc danh mục kiểm tra đã được thực hiện.

4.2.6.2. Sự không phù hợp trong khi tiến hành kiểm tra phải được phân loại như sau:

- Sự không phù hợp cấp A, được định nghĩa như là một phát hiện nghiêm trọng mà có khả năng dẫn đến chết người, bị thương nặng hoặc là các hỏng hóc đối với cơ sở hạ tầng, phương tiện, trang thiết bị và yêu cầu phải có các hành động khắc phục ngay lập tức. Hành động đó có thể liên quan đến việc đóng cửa hoạt động của cơ sở hạ tầng hoặc dừng hoạt động của phương tiện, trang thiết bị.

- Sự không phù hợp cấp B, được định nghĩa như là một phát hiện khiếm khuyết liên quan đến một trang thiết bị, một phương tiện hoạt động tại cảng hàng không, sân bay hoặc là một quy trình trong hệ thống mà nó gây ra (Hoặc có khả năng gây ra) ảnh hưởng đến vấn đề an toàn đáng kể trong hệ thống và đòi hỏi hành động khắc phục được thực thi trong một khung thời gian phù hợp.

- Không áp dụng (Not Applicable – NA), là một yếu tố hoặc một mục trong danh mục kiểm tra mà không áp dụng đối với đối tượng được kiểm tra mặc dù tồn tại một tiêu chuẩn về nó (Ví dụ các phương tiện phá đóng băng).

- Không được xác nhận (Not Confirmed – NC) là một yếu tố phù hợp với các tài liệu được yêu cầu nhưng không được xác nhận trong thời gian cuộc kiểm tra vì bất cứ lý do nào (Ví dụ như thiếu thời gian, vắng mặt các nhân sự chủ chốt).

#### 4.2.7. Họp kết thúc

4.2.7.1. Mục tiêu và các hoạt động của họp kết thúc sau khi kiểm tra là để:

- Xem xét lại mục đích của cuộc kiểm tra và nó được tiến hành như thế nào;

- Lưu danh sách những người tham dự cuộc họp;

- Trình bày sự không phù hợp (các phát hiện) trong cuộc kiểm tra;

- Các phát hiện phải được giải thích, thảo luận làm rõ;

- Xác nhận các hành động khắc phục (Nếu có thể) và thống nhất khung thời gian để thực hiện chúng;

- Nêu yêu cầu trong báo cáo kết luận kiểm tra cùng với khung thời gian thực thi;

- Tiếp thu, xử lý các kiến nghị, đề xuất của đơn vị được kiểm tra.

### 4.3. Báo cáo kiểm tra

4.3.1. Báo cáo kiểm tra là một hệ thống tài liệu chính thức nhằm báo cáo các kết quả kiểm tra đến lãnh đạo và đơn vị được kiểm tra. Báo cáo phải ghi nhận một cách chính xác tất cả những gì đã diễn ra trong suốt cuộc kiểm tra, nó phải phản

ánh được tinh thần chung của cuộc kiểm tra và không chứa đựng điều gì bất ngờ.

4.3.2. Trách nhiệm của Trưởng đoàn là phải xây dựng báo cáo kiểm tra dựa trên cơ sở sự xác nhận và thống nhất trong cuộc họp kết thúc. Trưởng đoàn phải ký báo cáo.

4.3.3. Mỗi một báo cáo sẽ chứa đựng các thông tin thực tế khác nhau, tuy nhiên các báo cáo phải thống nhất về cấu trúc và hình thức theo một mẫu nhất quán để dễ so sánh và phân tích các nội dung kiểm tra tương tự giữa các đơn vị khác nhau. Phụ lục 20 giới thiệu một mẫu báo cáo.

4.3.4. Báo cáo kiểm tra phải xác định một khung thời gian cho tổ chức được kiểm tra triển khai thực hiện khắc phục đối với các phát hiện được ghi nhận trong báo cáo (Nếu có).

4.3.5. Báo cáo kiểm tra sau khi được hoàn tất phải được gửi đến các tổ chức được kiểm tra trong thời gian tối đa là hai (02) tuần tính từ ngày họp kết thúc kiểm tra tại đơn vị.

#### **4.4. Kế hoạch khắc phục**

4.4.1. Sau khi nhận được báo cáo kiểm tra, các tổ chức có liên quan phải đưa ra Kế hoạch thực hiện khắc phục (nếu phát hiện có sự không phù hợp).

4.4.2. Kế hoạch thực hiện khắc phục phải liệt kê chi tiết các biện pháp, dự kiến thời gian để khắc phục tất cả các phát hiện về sự không phù hợp và đưa ra giải pháp để ngăn chặn sự không phù hợp đó tái diễn trong tương lai.

4.4.3. Việc không đưa ra Kế hoạch thực hiện khắc phục, hoặc không tuân thủ thời hạn theo kế hoạch thực hiện khắc phục, hoặc không thực hiện các biện pháp được đề ra trong Kế hoạch thực hiện khắc phục, nhà chức trách hàng không sẽ đưa ra các biện pháp xử lý theo quy định hiện hành.

4.4.4. Kế hoạch thực hiện khắc phục tối thiểu phải chứa đựng các nội dung sau:

- Các khuyến cáo/yếu tố cần thiết phải cải thiện;
- Các hành động khắc phục;
- Xác định người chịu trách nhiệm cho việc thực thi và hoàn thành hoạt động khắc phục;
- Khung thời gian cho việc hoàn thành.

4.4.5. Trong trường hợp đơn vị được kiểm tra không thực hiện các hành động khắc phục liên quan đến các phát hiện mà đoàn kiểm tra đưa ra vì họ không đồng ý với kết luận của đoàn kiểm tra, thì đơn vị được kiểm tra phải báo cáo Cục trưởng Cục HKVN bằng văn bản, trong văn bản báo cáo phải nêu rõ các lý do, các bằng chứng không đồng ý với kết luận của đoàn kiểm tra. Cục trưởng Cục HKVN sẽ xem xét và đưa ra quyết định cụ thể.

4.4.6. Sau khi đơn vị được kiểm tra thông báo đã hoàn tất kế hoạch khắc phục. Đoàn kiểm tra có thể sẽ tiến hành kiểm tra lại (nếu thấy cần thiết), để đảm bảo

rằng các phát hiện đã được xử lý triệt để đáp ứng theo các quy định, quy trình và tiêu chuẩn khai thác hiện hành.

#### **4.5. Lưu trữ hồ sơ kiểm tra**

4.5.1. Tất cả tài liệu có liên quan đến cuộc kiểm tra phải được lưu trữ trong hồ sơ của đơn vị được kiểm tra sau khi hoàn tất cuộc kiểm tra. Tối thiểu, các tài liệu phải bao gồm:

- Bản sao công văn thông báo kế hoạch kiểm tra;
- Lịch trình kiểm tra;
- Các danh mục kiểm tra đã hoàn chỉnh;
- Tất cả các ghi nhận, các bằng chứng do đoàn kiểm tra thu thập được;
- Hồ sơ các cuộc phỏng vấn;
- Hồ sơ các cuộc họp khai mạc và kết thúc;
- Bản sao Kế hoạch thực hiện khắc phục;
- Phản hồi sau kiểm tra từ đơn vị được kiểm tra.

4.5.2. Đoàn kiểm tra có trách nhiệm thiết lập và duy trì một cơ sở dữ liệu kiểm tra chứa đựng tất cả các phát hiện thu thập được từ các cuộc kiểm tra của tất cả các đơn vị được kiểm tra. Cơ sở dữ liệu này sẽ được sử dụng bởi nhà chức trách hàng không để theo dõi, giám sát liên tục đối với tất cả các đơn vị có hoạt động khai thác tại cảng hàng không; trong việc thiết lập kế hoạch và lịch trình kiểm tra.

## **CHƯƠNG V**

### **BẢO ĐẢM VIỆC TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH**

#### **5.1. Các biện pháp nhằm bảo đảm việc tuân thủ quy định**

- Yêu cầu các đơn vị được kiểm tra báo cáo công tác khắc phục; kết hợp với việc kiểm tra lại nếu thấy cần thiết;
- Yêu cầu các đơn vị thực hiện công tác huấn luyện, đào tạo để đáp ứng yêu cầu theo quy định;
- Đưa ra các yêu cầu về huấn luyện, cấp lại chứng chỉ đối với cơ sở, trang thiết bị và con người;
- Đình chỉ giấy chứng nhận, giấy phép cho đến khi công tác khắc phục được thực hiện;
- Thu hồi giấy chứng nhận, giấy phép;
- Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

#### **5.2. Trách nhiệm của nhà chức trách hàng không**

Cục HKVN căn cứ vào tình hình và hoàn cảnh cụ thể, các yếu tố giảm nhẹ và mức độ rủi ro đối với an toàn hàng không để đưa ra các biện pháp xử lý đối với mức độ vi phạm của các tổ chức, cá nhân có hoạt động khai thác tại cảng hàng không, sân bay hoặc ủy quyền cho Cảng vụ Hàng không khu vực xử lý theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng và các quy định liên quan.

## **Phụ lục 1**

### **MỘT SỐ NỘI DUNG KIỂM TRA TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY**

#### **1. Đối với doanh nghiệp khai thác cảng hàng không**

##### **1.1. Về hồ sơ, tài liệu:**

- a) Các loại giấy phép.
  - Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay;
  - Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay;
  - Giấy phép của các phương tiện, thiết bị hoạt động trong khu vực hạn chế cảng hàng không, sân bay;
    - Giấy phép thiết bị bảo đảm hoạt động bay;
    - Giấy phép nhân viên hàng không.
- b) Các quy trình khai thác.
  - Tài liệu khai thác cảng;
  - Tài liệu hệ thống quản lý an toàn cảng hàng không;
  - Kế hoạch khẩn nguy cảng hàng không;
  - Chương trình an ninh hàng không;
  - Quy trình kiểm tra và bảo dưỡng hệ thống sân đường khu bay;
  - Quy trình kiểm tra và bảo dưỡng hệ thống đèn hiệu khu bay;
  - Quy trình công bố sự thay đổi về thông tin sân bay đã ban hành;
  - Quy định an toàn cảng hàng không (Quản lý sân đỗ và giám sát vị trí đỗ);
  - Giám sát các phương tiện hoạt động trong vùng lân cận khu vực di chuyển;
  - Sổ tay kiểm soát chim và động vật hoang dã;
  - Giám sát bề mặt giới hạn chướng ngại vật;
  - Quy trình khai thác nhà ga hành khách và ga hàng hoá;
  - Tài liệu, quy trình hướng dẫn khai thác.

##### **1.2. Hệ thống cơ sở hạ tầng, phương tiện, trang thiết bị:**

- a) Cơ sở hạ tầng cảng hàng không, sân bay.
  - Đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ, nhà ga;
  - Hệ thống thiết bị dẫn đường hàng không;
  - Hệ thống đèn hiệu hàng không;
  - Hệ thống nguồn cấp điện (Bao gồm cả hệ thống nguồn dự phòng);
  - Hệ thống chỉ thị hướng gió;
  - Hệ thống sơn kẻ tín hiệu khu bay;
  - Hệ thống biển báo trong khu bay;
  - Hệ thống chằng néo tàu bay.
- b) Phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác đảm bảo hoạt động bay (Danh mục, số lượng, thời hạn).
  - Hệ thống phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ bay;
  - Hệ thống phương tiện, trang thiết bị khẩn nguy cứu hoả;
  - Hệ thống trang thiết bị bảo trì khu bay, trong đó đặc biệt quan tâm đến thiết bị đo ma sát bề mặt đường cất hạ cánh;

- Trang thiết bị di chuyển tàu bay bị sự cố;
- Phương tiện tra nạp nhiên liệu;
- Trang thiết bị xua đuổi động vật hoang dã;
- Các loại phương tiện, trang thiết bị phục vụ bay khác.

## **2. Đối với Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không**

### 1.1. Về hồ sơ, tài liệu:

#### a) Các loại giấy phép.

- Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không;
- Giấy phép của các phương tiện, thiết bị hoạt động trên khu bay;
- Giấy phép nhân viên hàng không;
- Các loại giấy phép khác liên quan.

#### b) Các quy trình cung cấp dịch vụ.

#### c) Quy chế an ninh hàng không.

### 1.2. Hệ thống cơ sở hạ tầng, phương tiện, trang thiết bị:

#### a) Hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ cho công tác cung cấp dịch vụ tại cảng;

#### b) Phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác cung cấp dịch vụ (Danh mục, số lượng, thời hạn);

#### c) Công tác duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng, phương tiện, trang thiết bị.



## **Phụ lục 2**

### **MỘT SỐ NỘI DUNG KIỂM TRA THỰC TẾ NGOÀI HIỆN TRƯỜNG**

#### **1. Kiểm tra xác minh số liệu ngoài hiện trường:**

- Các điều kiện bề mặt và kích thước: Đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ;
- Sự có mặt của chướng ngại vật trong bề mặt giới hạn chướng ngại vật và trong vùng lân cận sân bay;
- Hệ thống thiết bị dẫn đường hàng không;
- Hệ thống đèn hiệu hàng không (Bao gồm các hồ sơ kiểm tra đèn);
- Hệ thống nguồn cấp điện (Bao gồm cả nguồn dự phòng);
- Hệ thống chỉ thị hướng gió;
- Hệ thống sơn kẻ tín hiệu khu bay;
- Hệ thống biển báo trong khu bay;
- Hệ thống chằng néo tàu bay;
- Hệ thống phương tiện, trang thiết bị khẩn nguy cứu hoả;
- Hệ thống trang thiết bị bảo trì khu bay, trong đó đặc biệt quan tâm đến thiết bị đo ma sát bề mặt đường cất hạ cánh;
- Trang thiết bị di chuyển tàu bay bị sự cố;
- Trang thiết bị xua đuổi động vật hoang dã;
- Sự hiện diện của các loại đèn có thể gây nguy hiểm đối với sự an toàn của tàu bay (đèn laser);
- Phương tiện tra nạp nhiên liệu;
- Phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ tàu bay.

#### **2. Kiểm tra và xác minh quy trình khai thác sân bay:**

- Toàn bộ hệ thống quản lý an toàn sân bay;
- Kế hoạch khẩn nguy sân bay và các bài diễn tập khẩn nguy sân bay định kỳ.
- Phương án khẩn nguy cứu hoả;
- Quy trình kiểm tra và bảo dưỡng hệ thống đèn hiệu khu bay;
- Quy trình công bố sự thay đổi về thông tin sân bay đã ban hành;
- Quy trình về kiểm tra hệ thống sân đường hàng ngày;
- Quản lý sân đỗ và giám sát vị trí đỗ;
- Giám sát các phương tiện hoạt động trên đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay;
- Giám sát bề mặt giới hạn chướng ngại vật;
- Di chuyển các tàu bay bị sự cố;
- Kiểm soát chim và động vật hoang dã;
- Xử lý vật phẩm nguy hiểm bao gồm cả nhiên liệu hàng không;
- Khai thác trong điều kiện tầm nhìn hạn chế;
- Việc bảo vệ radar và các thiết bị phụ trợ dẫn đường;
- Chế độ báo cáo.

#### **3. Kiểm soát an ninh đối với người, phương tiện và hàng hoá ra, vào khu bay.**

#### **4. Hoạt động của các phương tiện kỹ thuật phục vụ mặt đất.**

- Địa điểm tập kết phương tiện, trang thiết bị mặt đất của các doanh nghiệp.
  - Quy trình tiếp cận của các phương tiện mặt đất và các thiết bị đi kèm.
  - Chứng nhận kiểm định của các phương tiện mặt đất hoạt động trong khu bay (bao gồm cả độ ồn và khí thải).
  - Việc tuân thủ theo luồng, tuyến quy định của các phương tiện hoạt động trong khu bay.
5. Vệ sinh môi trường trong khu vực sân bay.
6. Chấp hành các quy định về duy tu, sửa chữa cơ sở hạ tầng khu vực sân bay.
7. Kiểm tra ban đêm: Kiểm tra tính thích ứng với tiêu chuẩn đối với hệ thống đèn và hệ thống biển báo khu bay, hệ thống sơn kẻ tín hiệu khu bay, các đèn cảnh báo chướng ngại vật khu bay và lân cận CHK, các dấu hiệu và đèn cảnh báo khu vực xây dựng trong khu bay.
8. Khu vực nhà ga hành khách:
- Quy trình khai thác nhà ga bao gồm cả hệ thống biển báo chỉ dẫn và phân định luồng tuyến hành khách đi, đến.
  - Công tác kiểm tra soi chiếu đối với người, hành lý, hàng hoá, các dụng cụ và vật phẩm khác trước khi đưa vào khu vực cách ly.
  - Thiết bị soi chiếu (danh mục, số lượng, kiểm định an toàn bức xạ).
  - Hướng dẫn, trợ giúp hành khách vận chuyển vật phẩm nguy hiểm và chất lỏng.
  - Kiểm tra việc bảo quản dao, kéo.v.v... tại khu vực cách ly tại nhà ga hành khách.
  - Kiểm định cân tại quầy thủ tục.
9. Kiểm tra việc thực hiện các quy định về giá.
- Chấp hành các quy định về giá do nhà nước quy định
  - Việc niêm yết công khai giá dịch vụ phi hàng không tại cảng hàng không.
  - Việc hiệp thương thống nhất giá dịch vụ phi hàng không tại cảng hàng không.

### **Phụ lục 3**

## **DỰ KIẾN NỘI DUNG LÀM VIỆC TẠI BUỔI KHAI MẠC**

Trưởng đoàn kiểm tra có thể trình bày một số thông tin sau:

- Giới thiệu các thành viên trong đoàn kiểm tra;
- Trình bày mục đích và phạm vi kiểm tra;
- Nguyên tắc tiến hành cuộc kiểm tra, vai trò của từng thành viên trong đoàn;
- Lịch trình kiểm tra trong đó có xác định thời biểu tiến hành họp bế mạc;
- Trình bày phương pháp kiểm tra;
- Trình bày những thuận lợi của việc kiểm tra (tiến độ và sự cải thiện trong chương trình sân bay);
- Yêu cầu sự cộng tác của bên được kiểm tra trong việc bố trí người hướng dẫn, tiếp cận các tài liệu, hồ sơ cần thiết;
- Làm rõ những vấn đề chưa rõ ràng trong kế hoạch kiểm tra theo yêu cầu của bên được kiểm tra (nếu có);
- Trả lời câu hỏi từ phía đại diện các đơn vị được kiểm tra;
- Mời bên được kiểm tra có ý kiến;
- Lưu danh sách những người tham dự.

**Phụ lục 4**  
**CÁC THÔNG TIN CHUNG VỀ CẢNG HÀNG KHÔNG**

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
1	A14 C2 2.2	<b>Điểm quy chiếu sân bay</b>					
		Toạ độ điểm quy chiếu sân bay (WGS 84).					
		Ngày đo toạ độ điểm quy chiếu.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2	A14 C2 2.3	<b>Mức cao sân bay</b>					
		Số liệu:					
		Ngày cuối cùng đo đạc.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
3	A14 C2 2.3	<b>Mức cao đường CHC</b>					
		Số liệu:					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
		Ngày cuối cùng đo đạc.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
4	A14 C2 2.4	<b>Nhiệt độ tham chiếu của sân bay</b>					
		Số liệu:					
		Khoảng thời gian dùng để thống kê số liệu lập bảng nhiệt độ này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
5	A14 C2 2.5.2	<b>Kích thước sân bay</b>					
		<b>Toạ độ địa lý từng ngưỡng đường CHC</b>					
		Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
6	A14 C2 2.5.4	<b>Toạ độ địa lý của từng vị trí đỗ máy bay.</b>					
		Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
7	A14 C2 2.5.5	<b>Toạ độ địa lý của chướng ngại vật trong vùng tiếp cận, cận hạ cánh, trong vùng vòng lượn và lân cận sân bay.</b>					
		Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
8	A14 C2 2.8	<b>Các cự ly công bố</b>					
		TORA: Cự ly chạy đà có thể sử dụng					
		TODA: Cự ly có thể cất cánh					
		ASDA: Cự ly có thể dừng khẩn cấp					
		LDA: Cự ly có thể hạ cánh.					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

**Phụ lục 5**  
**DANH MỤC KIỂM TRA ĐƯỜNG CẮT HẠ CÁNH**

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
1	A14 C3 3.1.1	<b>Số lượng đường CHC</b>					
		<b>Hướng đường CHC</b>					
		Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2	A14 C3 3.1.1	<b>Độ lệch từ của đường CHC</b>					
		Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			



<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
3	<b>A14 C3 3.1.5</b>	<b>Vị trí ngưỡng của đường CHC</b>					
		Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
4	<b>A14 C3 3.1.7</b>	<b>Chiều dài của đường CHC</b>					
		Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
5	<b>A14 C3 3.1.10</b>	<b>Chiều rộng đường CHC</b>					
		Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
6	<b>A14 C3 3.1.11</b>	<b>Khoảng cách giữa các đường CHC song song</b>					
		Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
7	<b>A14 C3 3.1.13</b>	<b>Độ dốc dọc đường CHC</b>					
		Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
8	<b>A14 C3</b>	<b>Độ dốc ngang đường CHC</b>					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
	<b>3.1.19</b>	Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
9	<b>A14 C3 3.1.21</b>	<b>Sức chịu tải của đường CHC</b>					
		Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
10	<b>A14 C3 3.1.22</b>	<b>Loại bề mặt của đường CHC</b>					
		Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
11	<b>A14 C3 3.2.3</b>	<b>Chiều rộng của lễ đường CHC</b>					
		Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
12	<b>A14 C3 3.2.4</b>	<b>Độ dốc của lễ đường CHC</b>					
		Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
13	<b>A14 C3</b>	<b>Sức chịu tải của lễ đường CHC</b>					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
	<b>3.2.5</b>	Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
14	<b>A14 C3 3.4.2</b>	<b>Chiều dài của dải bay</b>					
		Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
15	<b>A14 C3 3.4.3</b>	<b>Chiều rộng của dải bay</b>					
		Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
16	<b>A14 C3 3.4.6 3.4.7</b>	<b>Các vật cố định trên dải bay</b>					
		Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
17	<b>A14 C3 3.4.13</b>	<b>Độ dốc dọc của dải bay</b>					
		Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
18	<b>A14</b>	<b>Độ dốc ngang của dải bay</b>					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
	<b>C3 3.4.15</b>	Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
19	<b>A14 C3 3.5.3</b>	<b>Kích thước khu vực bảo hiểm cuối đường CHC</b>					
		Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
20	<b>A14 C3 3.5.7</b>	<b>Các vật thể trong khu vực bảo hiểm cuối đường CHC</b>					
		Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
21	<b>A14 C3 3.5.10</b>	<b>Độ dốc dọc khu vực bảo hiểm cuối đường CHC</b>					
		Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
22	<b>A14 C3 3.5.11</b>	<b>Độ dốc ngang khu vực bảo hiểm cuối đường CHC</b>					
		Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
23	<b>A14 C3</b>	<b>Chiều dài của khoảng trống</b>					



<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
	<b>3.6.2</b>	Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
24	<b>A14 C3 3.6.3</b>	<b>Chiều rộng của khoảng trống</b>					
		Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
25	<b>A14 C3 3.6.4</b>	<b>Độ dốc trên khoảng trống</b>					
		Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
26	<b>A14 C3 3.6.6</b>	<b>Các vật thể trên khoảng trống</b>					
		Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
27	<b>A14 C3 3.7.1</b>	<b>Độ rộng của dải hãm đầu đường CHC</b>					
		Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
28	<b>A14</b>	<b>Độ dốc của dải hãm đầu đường CHC</b>					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
	<b>C3 3.7.2</b>	Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
29	<b>A14 C3 3.7.3</b>	<b>Sức chịu tải của dải hãm đầu đường CHC</b>					
		Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
30	<b>A14 C3 3.7.4</b>	<b>Bề mặt của dải hãm đầu đường CHC</b>					
		Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
31		Quy trình kiểm tra đường CHC	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
32		Thời gian kiểm tra					
33		Tần suất kiểm tra					
34		Nội dung kiểm tra hàng ngày, kiểm tra các hạng mục theo đúng tài liệu hướng dẫn khai thác.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
35		Thành phần, đơn vị chịu trách nhiệm kiểm tra hàng ngày của CHK.					
36		Quy định bảo đảm nhân viên có kinh nghiệm, có trình độ, có chứng chỉ phù hợp với tài liệu hướng dẫn để thực hiện công tác kiểm tra.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
37		Tình trạng mặt đường					
38		Vật ngoại lai trên đường CHC	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
39		Phương thức liên lạc với đài kiểm soát không lưu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
40		Quy trình báo cáo.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
41		Công tác ghi chép và lưu trữ kết quả kiểm tra.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
42		Quy định biện pháp khắc phục các điểm không phù hợp.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

**Phụ lục 6**  
**DANH MỤC KIỂM TRA ĐƯỜNG LĂN**

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
1		<b>Số lượng đường lăn</b>					
2	<b>A14 C3 3.9.5</b>	<b>Chiều rộng đường lăn</b>					
		Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
3	<b>A14 C3 3.9.9</b>	<b>Độ dốc dọc của đường lăn</b>					
		Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
4	<b>A14 C3 3.9.12</b>	<b>Độ dốc ngang của đường lăn</b>					
		Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
5	<b>A14 C3 3.9.13</b>	<b>Sức chịu tải của đường lăn</b>					
		Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
6	<b>A14 C3 3.9.14</b>	<b>Loại bề mặt của đường lăn</b>					
		Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
7	<b>A14 C3 3.10.1</b>	<b>Chiều rộng của lễ đường lãn</b>					
		Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
8	<b>A14 C3 3.11.2</b>	<b>Chiều rộng dải lãn</b>					
		Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
9	<b>A14</b>	<b>Các vật thể trên dải lãn</b>					



<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
	<b>C3 3.11.3</b>	Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
10	<b>A14 C3 3.11.5</b>	<b>Độ dốc của dải lãn</b>					
		Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
11		Quy trình kiểm tra đường lãn					
12		Thời gian kiểm tra					
13		Tần suất kiểm tra					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
14		Nội dung kiểm tra hàng ngày, kiểm tra các hạng mục theo đúng tài liệu hướng dẫn khai thác.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
15		Thành phần, đơn vị chịu trách nhiệm kiểm tra hàng ngày của CHK.					
16		Quy định bảo đảm nhân viên có kinh nghiệm, có trình độ, có chứng chỉ phù hợp với tài liệu hướng dẫn để thực hiện công tác kiểm tra.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
17		Tình trạng mặt đường					
18		Vật ngoại lai trên đường lăn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
19		Phương thức liên lạc với đài kiểm soát không lưu, đài kiểm soát tại sân.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
20		Quy trình báo cáo.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
21		Công tác ghi chép và lưu trữ kết quả kiểm tra.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
22		Quy định biện pháp khắc phục các điểm không phù hợp.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

**Phụ lục 7**  
**DANH MỤC KIỂM TRA SÂN ĐỒ TÀU BAY**

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
1		<b>Số lượng sân đỗ tàu bay</b>					
2	<b>A14</b> <b>C3</b> <b>3.13.2</b>	<b>Kích thước của sân đỗ</b>					
		Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
3	<b>A14</b> <b>C3</b> <b>3.13.3</b>	<b>Sức chịu tải của sân đỗ</b>					
		Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
4	<b>A14</b>	<b>Độ dốc của sân đỗ</b>					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
	<b>C3 3.13.4</b>	Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
5	<b>A14 C3 3.14</b>	<b>Vị trí đỗ tàu bay cách ly</b>					
		Số liệu:					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
6		Quy trình kiểm tra sân đỗ tàu bay					
7		Thời gian kiểm tra					
8		Tần suất kiểm tra					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
9		Nội dung kiểm tra hàng ngày, kiểm tra các hạng mục theo đúng tài liệu hướng dẫn khai thác.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
10		Thành phần, đơn vị chịu trách nhiệm kiểm tra hàng ngày của CHK.					
11		Quy định bảo đảm nhân viên có kinh nghiệm, có trình độ, có chứng chỉ phù hợp với tài liệu hướng dẫn để thực hiện công tác kiểm tra.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
12		Tình trạng mặt đường					
13		Vật ngoại lai trên sân đỗ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
14		Phương thức liên lạc với đài kiểm soát không lưu, đài kiểm soát tại sân.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
15		Quy trình báo cáo.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
16		Công tác ghi chép và lưu trữ kết quả kiểm tra.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
17		Quy định biện pháp khắc phục các điểm không phù hợp.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
<b>18</b>		<b>Quản lý sân đỗ tàu bay</b>					
18.1		Tài liệu bao gồm các quy định, quy trình kiểm soát sân đỗ tàu bay					
18.2		Quy định về việc khởi động động cơ tàu bay và bảo đảm khoảng cách an toàn cho công tác đẩy tàu bay					
18.3		Dịch vụ đánh tín hiệu					
18.4		Dịch vụ follow-me					
18.5		Người khai thác duy trì công tác lưu trữ theo tài liệu hướng dẫn					
18.6		Nhân viên phù hợp đảm bảo nhiệm vụ cung cấp dịch vụ dẫn dắt tàu bay					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
18.7		Nhân viên nhận thức về yêu cầu an toàn đối với khoảng cách an toàn					
18.8		Vị trí đỗ được phân bổ phù hợp theo quy định					
18.9		Việc khởi động động cơ và kéo đẩy tàu bay thực hiện theo đúng quy định					
18.10		Các ký hiệu, tín hiệu đỗ tàu bay tuân thủ theo quy định					
19		<b>Quản lý an toàn sân đỗ</b>					
19.1		Tài liệu bao gồm quy trình quản lý khai thác sân đỗ an toàn					
19.2		Quy định bảo vệ an toàn dòng phản lực của động cơ tàu bay					



<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
19.3		Quy định về thiết kế vị trí đỗ					
19.4		Quy trình bảo đảm sân đỗ được quét dọn để loại bỏ vật ngoại lai					
19.5		Quy trình bảo đảm sân đỗ sạch các chất bản nguy hại					
19.6		Quy trình liên quan đến công tác báo cáo sự cố và tai nạn trên sân đỗ					
19.7		Tên, số điện thoại và vai trò của người chịu trách nhiệm lập kế hoạch và thực hiện công tác quản lý việc đỗ tàu bay					
19.8		Người khai thác duy trì lưu trữ theo đúng tài liệu hướng dẫn					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
19.9		Nhân viên phù hợp sẵn sàng kiểm soát, giám sát hoạt động an toàn sân đỗ					
19.10		Nhân viên nhận thức yêu cầu an toàn liên quan đến khoảng cách và dòng phản lực của động cơ					
19.11		Trách nhiệm của tổ chức và quy định kiểm soát theo đúng quy định tài liệu					
19.12		Hoạt động tra nạp nhiên liệu được thực hiện theo đúng tài liệu hướng dẫn					
19.13		Báo cáo về tai nạn, sự cố uy hiếp an toàn xảy ra trên sân đỗ và theo dõi					
20		<b>Kiểm tra phương tiện, trang thiết bị hoạt động trong khu vực hạn chế</b>					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
20.1		Cấp giấy phép cho phương tiện di chuyển và giấy phép hành nghề cho lái xe hoạt động tại khu vực hạn chế.					
20.2		Công tác đào tạo, huấn luyện cho lái xe.					
20.3		Quản lý tai nạn và sự cố: thống kê và biện pháp khắc phục.					
20.4		Kế hoạch phát triển phương tiện của đơn vị					
20.5		Quy trình kiểm soát hoạt động của PT trong khu vực hạn chế					
20.6		Các biện pháp bảo đảm việc tuân thủ quy định					
20.7		Tên, điện thoại, vai trò của người chịu trách nhiệm kiểm soát PT trong khu vực hạn chế					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
20.8		Công tác kiểm tra người điều khiển PT phù hợp với tài liệu					
20.9		Công tác giám sát được thực hiện phù hợp với tài liệu					
20.10		Nhân viên hiểu biết quy định an toàn khu bay					
20.11		Các điều kiện, giới hạn có được tuân thủ					
20.12		Giấy phép được mang theo phù hợp với quy định					
20.13		Các PT đánh dấu/ sơn kẻ phù hợp với quy định					
20.14		Tuân thủ quy trình sử dụng bộ đàm.					
20.15		Sự cố PT ghi nhận, báo cáo, xử lý					

**Phụ lục 8**  
**DANH MỤC KIỂM TRA NHÀ GA**

<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
1	Quầy thủ tục hàng không	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2	Quầy bán vé máy bay	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
3	Hệ thống DCS/CUTE	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
4	Hệ thống băng chuyền hành lý	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
5	Quầy hành lý quá khổ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
6	Văn phòng làm việc của Hãng hàng không	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
7	Phòng CIP	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
8	Phòng VIP	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
9	Hệ thống biển báo, biển chỉ dẫn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
10	Hệ thống kiểm tra an ninh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
11	Hệ thống kiểm tra công an cửa khẩu xuất cảnh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
12	Hệ thống kiểm tra Hải quan xuất cảnh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
13	Các phương tiện phục vụ hành khách khuyết tật	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
14	Ghế phòng chờ đi	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
15	Nhà hàng ăn uống	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
16	Cửa hàng bán lẻ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
17	Nhà vệ sinh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
18	Cửa ra tàu bay	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
19	Phòng chờ tại cửa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
20	Hệ thống kiểm tra công an cửa khẩu nhập cảnh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
21	Hệ thống kiểm tra Hải quan nhập cảnh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
22	Hệ thống băng chuyền trả hành lý	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
23	Phòng chờ lấy hành lý	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
24	Xe đẩy hành lý	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
25	Khu vực quản lý hành lý thất lạc	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
26	Kiểm dịch, y tế	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
27	Quầy thủ tục transfer, transit	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
28	Quầy đổi tiền	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
29	Bưu điện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
30	Dịch vụ y tế	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
31	Khu vực dành cho nhân viên CHK	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
32	Hệ thống màn hình thông báo bay (FIDS)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
33	Hệ thống thông tin băng chuyền hành lý (BIDS)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
34	Hệ thống kiểm soát ra vào	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
35	Hệ thống cứu hỏa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
36	Hệ thống phân bổ cửa ra tàu bay (Gate Allocation)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
37	Hệ thống kiểm soát hành lý nghi ngờ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
38	Hệ thống điều hòa không khí, thông gió	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
39	Hệ thống thông báo công cộng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
40	Hệ thống điện thoại	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
41	Hệ thống bộ đàm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
42	Hệ thống TV	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
43	Hệ thống băng tải hành khách (APM)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			



<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
44	Hệ thống thang máy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
45	Hệ thống thang cuốn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
46	Quy trình kiểm tra nhà ga	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
47	Thời gian kiểm tra					
48	Tần suất kiểm tra					
49	Nội dung kiểm tra hàng ngày, kiểm tra các hạng mục theo đúng tài liệu hướng dẫn khai thác.					
50	Thành phần, đơn vị chịu trách nhiệm kiểm tra hàng ngày của CHK.					
51	Quy định bảo đảm nhân viên có kinh nghiệm, có trình độ, có chứng chỉ phù hợp với tài liệu hướng dẫn để thực hiện công tác kiểm tra.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
52	Tình trạng vệ sinh, môi trường nhà ga					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
53	Tình trạng các hệ thống kỹ thuật tại nhà ga					
54	Quy định về việc bảo quản dao, kéo, các vật nhọn sắc...tại khu vực cách ly nhà ga hành khách.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
55	Công tác kiểm định cân tại quầy làm thủ tục checkin.					
56	Chấp hành các quy định về giá, về nhãn hàng hóa do nhà nước quy định tại khu vực kinh doanh phi hàng không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
57	Việc niêm yết công khai giá dịch vụ phi hàng không tại nhà ga	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
58	Quy trình báo cáo.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
59	Công tác ghi chép và lưu trữ kết quả kiểm tra.					
60	Quy định biện pháp khắc phục các điểm không phù hợp.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

**Phụ lục 9**  
**DANH MỤC KIỂM TRA HỆ THỐNG BIỂN BÁO KHU BAY**

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
1	<b>A14 C5 5.4.2</b>	<b>Biển báo số hiệu đường cất hạ cánh</b>					
		Vị trí					
		Màu sắc					
		Đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2	<b>A14 C5 5.4.2</b>	<b>Biển báo vị trí chờ CAT I/II/III</b>					
		Vị trí					
		Màu sắc					
		Đặc tính					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
3	<b>A14 C5 5.4.2</b>	<b>Biển báo vị trí chờ lên đường cất hạ cánh</b>					
		Vị trí					
		Màu sắc					
		Đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
4	<b>A14 C5 5.4.7</b>	<b>Biển báo vị trí chờ trên đường công vụ</b>					
		Vị trí					
		Màu sắc					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
		Đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
5	<b>A14 C5 5.4.2</b>	<b>Biển báo cấm vào</b>					
		Vị trí					
		Màu sắc					
		Đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
6	<b>A14 C5 5.4.3</b>	<b>Biển báo chỉ hướng</b>					
		Vị trí					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
		Màu sắc					
		Đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
7	<b>A14 C5 5.4.3</b>	<b>Biển báo vị trí</b>					
		Vị trí					
		Màu sắc					
		Đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
8	<b>A14</b>	<b>Biển báo đích đến</b>					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
	<b>C5 5.4.3</b>	Vị trí					
		Màu sắc					
		Đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
9	<b>A14 C5 5.4.3</b>	<b>Biển báo lối ra đường cát hạ cánh</b>					
		Vị trí					
		Màu sắc					
		Đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
10	<b>A14 C5 5.4.3</b>	<b>Biển báo đường cắt hạ cánh trống</b>					
		Vị trí					
		Màu sắc					
		Đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
11	<b>A14 C5 5.4.3</b>	<b>Biển báo vị trí nút giao cắt cánh</b>					
		Vị trí					
		Màu sắc					
		Đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					



<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
12	<b>A14 C5 5.4.3</b>	<b>Biển báo chỉ vị trí đỗ tàu bay</b>					
		Vị trí					
		Màu sắc					
		Đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
13	<b>A14 C5 5.4.4</b>	<b>Biển báo vị trí kiểm tra đài VOR sân bay</b>					
		Vị trí					
		Màu sắc					
		Đặc tính					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
14		Quy trình kiểm tra hệ thống biển báo khu bay	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
15		Thời gian kiểm tra					
16		Tần suất kiểm tra					
17		Nội dung kiểm tra hàng ngày, kiểm tra các hạng mục theo đúng tài liệu hướng dẫn khai thác.					
18		Thành phần, đơn vị chịu trách nhiệm kiểm tra hàng ngày của CHK.					
19		Quy định bảo đảm nhân viên có kinh nghiệm, có trình độ, có chứng chỉ phù hợp với tài liệu hướng dẫn để thực hiện công tác kiểm tra.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
20		Tình trạng của hệ thống biển báo					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
21		Công tác bảo dưỡng hệ thống biển báo					
22		Quy trình báo cáo.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
23		Công tác ghi chép và lưu trữ kết quả kiểm tra.					
24		Quy định biện pháp khắc phục các điểm không phù hợp.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

**Phụ lục 10**  
**DANH MỤC KIỂM TRA ÔNG GIÓ VÀ HỆ THỐNG SƠN TÍN HIỆU**

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
1	A14 C5 5.1.1	<b>Số lượng cột chỉ hướng gió.</b>					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2	A14 C5 5.1.1.3	<b>Cột chỉ hướng gió.</b>					
		Hình dáng					
		Kích thước					
		Màu sắc					
3	A14 C5 5.2.2	<b>Sơn tín hiệu chỉ hướng đường cất hạ cánh</b>					
		Vị trí					
		Màu sắc					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
		Đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
4	<b>A14 C5 5.2.3</b>	<b>Sơn tín hiệu tim đường cát hạ cánh</b>					
		Vị trí					
		Màu sắc					
		Đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
5	<b>A14 C5</b>	<b>Sơn tín hiệu đánh dấu ngưỡng đường cát hạ cánh</b>					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
	<b>5.2.4</b>	Vị trí					
		Màu sắc					
		Đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
6	<b>A14 C5 5.2.5</b>	<b>Sơn tín hiệu đánh dấu điểm ngắm</b>					
		Vị trí					
		Màu sắc					
		Đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
7	A14 C5 5.2.6	<b>Sơn tín hiệu đánh dấu vùng chạm bánh</b>					
		Vị trí					
		Màu sắc					
		Đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
8	A14 C5 5.2.7	<b>Sơn tín hiệu cạnh đường cất hạ cánh</b>					
		Vị trí					
		Màu sắc					
		Đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
9	<b>A14 C5 5.2.8</b>	<b>Sơn tín hiệu tim đường lãn</b>					
		Vị trí					
		Màu sắc					
		Đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
10	<b>A14 C5 5.2.9</b>	<b>Sơn tín hiệu sân quay đầu đường cát hạ cánh</b>					
		Vị trí					
		Màu sắc					
		Đặc tính					



<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
11	<b>A14 C5 5.2.10</b>	<b>Sơn tín hiệu đánh dấu vị trí chờ lên đường cất hạ cánh</b>					
		Vị trí					
		Màu sắc					
		Đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
12	<b>A14 C5 5.2.11</b>	<b>Sơn tín hiệu vị trí chờ lăn trung gian</b>					
		Vị trí					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
		Màu sắc					
		Đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
13		<b>Sơn tín hiệu cạnh đường lãn</b>					
		Vị trí					
		Màu sắc					
		Đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
14		<b>Sơn tín hiệu dẫn lãn</b>					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
		Vị trí					
		Màu sắc					
		Đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
15		<b>Sơn tín hiệu dẫn dắt tàu bay bằng xe kéo đẩy</b>					
		Vị trí					
		Màu sắc					
		Đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
16	<b>A14</b> <b>C5</b> <b>5.2.14</b>	<b>Sơn tín hiệu đường giới hạn sân đỗ tàu bay</b>					
		Vị trí					
		Màu sắc					
		Đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
17		<b>Sơn tín hiệu nhận dạng đến vị trí đỗ tàu bay</b>					
		Vị trí					
		Màu sắc					
		Đặc tính					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
18		<b>Sơn tín hiệu nhận dạng vị trí đỗ tàu bay</b>					
		Vị trí					
		Màu sắc					
		Đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
19		<b>Sơn tín hiệu vạch dừng chờ bánh mũi và số vị trí đỗ</b>					
		Vị trí					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
		Màu sắc					
		Đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
20		<b>Sơn tín hiệu vạch dừng chờ bánh mũi tại cầu hành khách</b>					
		Vị trí					
		Màu sắc					
		Đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
21		<b>Sơn tín hiệu vạch giới hạn an toàn vị trí đỗ của tàu bay</b>					
		Vị trí					
		Màu sắc					
		Đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
22		<b>Sơn tín hiệu khu vực giới hạn di chuyển cầu hành khách</b>					
		Vị trí					
		Màu sắc					
		Đặc tính					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
23		<b>Sơn tín hiệu khu vực tập kết trang thiết bị mặt đất</b>					
		Vị trí					
		Màu sắc					
		Đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
24	<b>A14 C5 5.2.15</b>	<b>Sơn tín hiệu đường công vụ cho các phương tiện mặt đất hoạt động.</b>					



<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
		Vị trí					
		Màu sắc					
		Đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
25		<b>Sơn tín hiệu tín hiệu dừng chờ tàu bay cho các phương tiện kỹ thuật mặt đất.</b>					
		Vị trí					
		Màu sắc					
		Đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
26	<b>A14 C7 7.1</b>	<b>Sơn tín hiệu đóng cửa đường cất hạ cánh</b>					
		Vị trí					
		Màu sắc					
		Đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
27	<b>A14 C7 7.1</b>	<b>Sơn tín hiệu đóng cửa đường lăn</b>					
		Vị trí					
		Màu sắc					
		Đặc tính					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
28	<b>A14 C7 7.3</b>	<b>Sơn tín hiệu khu vực trước ngưỡng đường cất hạ cánh</b>					
		Vị trí					
		Màu sắc					
		Đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
29	<b>A14 C5</b>	<b>Sơn tín hiệu đánh dấu điểm kiểm tra đài VOR trên sân bay</b>					
		Vị trí					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
	<b>5.2.12</b>	Màu sắc					
		Đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
30	<b>A14 C5 5.2.16</b>	<b>Sơn tín hiệu chỉ dẫn bắt buộc</b>					
		Vị trí					
		Màu sắc					
		Đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
31	<b>A14 C5</b>	<b>Sơn tín hiệu chỉ dẫn thông tin</b>					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
5.2.17		Vị trí					
		Màu sắc					
		Đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
32		Quy trình kiểm tra hệ thống son tín hiệu và ống gió	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
33		Thời gian kiểm tra					
34		Tần suất kiểm tra					
35		Nội dung kiểm tra hàng ngày, kiểm tra các hạng mục theo đúng tài liệu hướng dẫn khai thác.					
36		Thành phần, đơn vị chịu trách nhiệm kiểm tra hàng ngày của CHK.					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
37		Quy định bảo đảm nhân viên có kinh nghiệm, có trình độ, có chứng chỉ phù hợp với tài liệu hướng dẫn để thực hiện công tác kiểm tra.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
38		Tình trạng hệ thống sơn tín hiệu và ống gió	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
39		Công tác bảo trì hệ thống sơn tín hiệu và ống gió.					
40		Quy trình báo cáo.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
41		Công tác ghi chép và lưu trữ kết quả kiểm tra.					
42		Quy định biện pháp khắc phục các điểm không phù hợp.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

**Phụ lục 11**  
**DANH MỤC KIỂM TRA HỆ THỐNG ĐÈN HIỆU SÂN BAY**

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
1	A14 C5 5.3.4.2	<b>Hệ thống đèn tiếp cận giản đơn</b>					
		Vị trí lắp đặt					
		Các đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2	A14 C5 5.3.4.10	<b>Hệ thống đèn tiếp cận chính xác cấp I</b>					
		Vị trí lắp đặt					
		Các đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
3	A14 C5 5.3.4.22	<b>Hệ thống đèn tiếp cận chính xác cấp II</b>					
		Vị trí lắp đặt					
		Các đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
4	A14 C5 5.3.4.22	<b>Hệ thống đèn tiếp cận chính xác cấp III</b>					
		Vị trí lắp đặt					
		Các đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					



<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
5	A14 C5 5.3.5	<b>Hệ thống đèn PAPI</b>					
		Vị trí lắp đặt					
		Các đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
6	A14 C5 5.3.8	<b>Các đèn nhận dạng ngưỡng đường CHC</b>					
		Vị trí lắp đặt					
		Các đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
		Số liệu này có được công bố trong AIP không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
7	<b>A14 C5 5.3.9</b>	<b>Các đèn lễ đường CHC</b>					
		Vị trí lắp đặt					
		Các đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
8	<b>A14 C5 5.3.10</b>	<b>Các đèn ngưỡng đường CHC</b>					
		Vị trí lắp đặt					
		Các đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
9	<b>A14</b>	<b>Các đèn cánh ngang</b>					
	<b>C5 5.3.10</b>	Vị trí lắp đặt					
		Các đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
10	<b>A14  C5  5.3.11</b>	<b>Các đèn cuối đường CHC</b>					
		Vị trí lắp đặt					
		Các đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
11	<b>A14</b>	<b>Đèn tìm đường CHC</b>					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
	<b>C5 5.3.12</b>	Vị trí lắp đặt					
		Các đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
12	<b>A14 C5 5.3.13</b>	<b>Các đèn vùng chạm bánh trên đường CHC</b>					
		Vị trí lắp đặt					
		Các đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
13	<b>A14 C5 5.3.16</b>	<b>Các đèn dừng</b>					
		Vị trí lắp đặt					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
		Các đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
14	<b>A14 C5 5.3.17</b>	<b>Đèn tim đường lăn</b>					
		Vị trí lắp đặt					
		Các đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
15	<b>A14 C5 5.3.18</b>	<b>Đèn lè đường lăn</b>					
		Vị trí lắp đặt					
		Các đặc tính					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
16	<b>A14 C5 5.3.20</b>	<b>Đèn dừng (stopbar)</b>					
		Vị trí lắp đặt					
		Các đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
17	<b>A14 C5 5.3.21</b>	<b>Đèn vị trí chờ trung gian</b>					
		Vị trí lắp đặt					
		Các đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
18		<b>Đèn chiếu sáng sân đỗ</b>					
		Vị trí lắp đặt					
		Các đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
19	<b>A14 C5 5.3.25</b>	<b>Hệ thống chỉ dẫn bằng mắt vào sân đỗ</b>					
		Vị trí lắp đặt					
		Các đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
20	<b>A14 C5 5.3.27</b>	<b>Đèn hướng dẫn sự di chuyển trên sân đỗ máy bay</b>					
		Vị trí lắp đặt					
		Các đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
21	<b>A14 C5 5.3.28</b>	<b>Đèn chỉ vị trí chờ lăn</b>					
		Vị trí lắp đặt					
		Các đặc tính					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					



<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
22		Quy trình kiểm tra trong và ngoài giờ hoạt động của cảng hàng không, sân bay. Liệt kê nội dung và thời gian các cuộc kiểm tra đó.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
23		Quy định về việc bật, tắt đèn.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
24		Quy định về bảo dưỡng định kỳ và bảo dưỡng đột xuất.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
25		Hệ thống đèn hiện tại đang được khai thác có được bay bay hiệu chuẩn không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
26		Chi tiết thực hiện công tác kiểm tra hệ thống đèn và danh mục kiểm tra.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
27		Quy định bảo đảm nhân viên có kinh nghiệm, có trình độ, có chứng chỉ phù hợp với tài liệu hướng dẫn để thực hiện công tác kiểm tra.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
28		Tên và vai trò của người chịu trách nhiệm bảo dưỡng hệ thống đèn, số điện thoại liên lạc trong và ngoài giờ hành chính.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
29		Báo cáo kiểm tra kỹ thuật được ghi chép đầy đủ và bằng chứng thực hiện các khuyến cáo, sai lỗi.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
30		Nguồn lực đầy đủ, phù hợp sẵn sàng.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
31		Vật tư dự phòng sẵn sàng.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
32		Các hỏng hóc được theo dõi phù hợp với tài liệu kỹ thuật.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
33		Công tác bảo dưỡng định kỳ và đột xuất được thực hiện theo quy định.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
34		Việc bật, tắt đèn theo đúng tài liệu hướng dẫn.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
35		Sự cố liên quan đến hệ thống đèn được ghi nhận, báo cáo và theo dõi.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
36		Thời gian kiểm tra					
37		Tần suất kiểm tra					
38		Nội dung kiểm tra hàng ngày, kiểm tra các hạng mục theo đúng tài liệu hướng dẫn khai thác.					
39		Thành phần, đơn vị chịu trách nhiệm kiểm tra hàng ngày của CHK.					
40		Tình trạng của hệ thống đèn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
41		Quy trình báo cáo.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
42		Ghi chép kết quả các cuộc kiểm tra, các biện pháp sửa chữa và lưu trữ kết quả kiểm tra.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
43		Quy định biện pháp khắc phục các điểm không phù hợp.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

**Phụ lục 12**  
**DANH MỤC KIỂM TRA ĐÁNH DẤU CÁC CHƯƠNG NGẠI VẬT NHẬN BIẾT BẰNG MẮT**

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
1	A14 C6 6.2	<b>Đánh dấu các chương ngại vật</b>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
		Sử dụng màu					
		Sử dụng các móc					
		Sử dụng cờ					
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2	A14 C6 6.2	<b>Chiếu sáng các chương ngại vật</b>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
		Vị trí lắp đặt đèn chiếu sáng các vật thể					
		Các đặc tính của đèn chiếu sáng các vật thể					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
		Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
		Số liệu này có được công bố trong AIP/ Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
3		Quy trình kiểm tra chương ngại vật nhật biệt bằng mắt	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
4		Thời gian kiểm tra					
5		Tần suất kiểm tra					
6		Nội dung kiểm tra hàng ngày, kiểm tra các hạng mục theo đúng tài liệu hướng dẫn khai thác.					
7		Thành phần, đơn vị chịu trách nhiệm kiểm tra hàng ngày của CHK.					
8		Quy định bảo đảm nhân viên có kinh nghiệm, có trình độ, có chứng chỉ phù hợp với tài liệu hướng dẫn để thực hiện công tác kiểm tra.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
9		Tình trạng của đánh dấu các chướng ngại vật bằng mắt.					
10		Quy trình báo cáo.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
11		Công tác ghi chép và lưu trữ kết quả kiểm tra.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
12		Quy định biện pháp khắc phục các điểm không phù hợp.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

**Phụ lục 13**  
**DANH MỤC KIỂM TRA HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG PCCC**

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
1	Mục I, Mục II và Mục III của Thông tư 04/2004/T T-BCA ngày 31/3/2004 của Bộ Công an	<b>Quy định, nội quy, quy trình, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về phòng cháy và chữa cháy (Nội quy bao gồm các quy định quản lý, sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt... Sơ đồ chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, hệ thống đường nội bộ, lối thoát nạn, hướng thoát nạn, vị trí nguồn nước chữa cháy và phương tiện chữa cháy; biển cấm, biển báo và biển chỉ dẫn trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy. Quy trình vận hành hệ thống phòng cháy và chữa cháy).</b>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			



<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
1.1		Ban hành nội quy, quy định PCCC phải đảm bảo đầy đủ nội dung và phù hợp với tính chất nguy hiểm cháy nổ của cơ sở. Nội quy, quy định phải được bố trí ở nơi dễ thấy.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
1.2		Tuyên truyền, phổ biến cho toàn thể CBCNV biết và chấp hành đầy đủ nội quy, quy định về PCCC.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
1.3		Sơ đồ chỉ dẫn về PCCC: Sơ đồ phải chỉ rõ các hạng mục công trình, hệ thống đường nội bộ, lối thoát nạn, hướng thoát nạn, vị trí nguồn nước chữa cháy và phương tiện chữa cháy.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
1.4		Biển cấm, biển báo và biển chỉ dẫn phải rõ ràng và đáp ứng quy cách theo quy định của Tiêu chuẩn TCVN 4897:1989, phải được lắp đặt ở nơi dễ thấy.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
1.5		Biển cấm lửa (biển cấm ngọn lửa trần), biển cấm hút thuốc, biển cấm cản trở lối đi lại, biển cấm dùng nước làm chất dập cháy.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
1.6		Biển báo khu vực hoặc vật liệu có nguy hiểm cháy nổ.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
1.7		Biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy (chỉ hướng thoát nạn, cửa thoát nạn và chỉ vị trí để điện thoại, bình chữa cháy, trụ nước, bển lấy nước chữa cháy và phương tiện chữa cháy khác).	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
2	Điều 1 Nghị định 46/2012/NĐ-CP; Mục IV, VI Thông tư 04/2004/T T-BCA; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân loại, phân cấp công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị số 03:2009/BXD	<b>Văn bản thẩm duyệt, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy (nếu có)</b> Đối với công trình thuộc diện phải thẩm duyệt thiết kế theo quy định Phụ lục 3 khoản 9 Điều 1 Nghị định 46/2012/NĐ-CP:	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2.1		Giấy chứng nhận thẩm duyệt	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
2.2		Văn bản nghiệm thu trước khi công trình đi vào hoạt động	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2.3		Hồ sơ đề nghị thẩm duyệt lại khi cải tạo, mở rộng, thay đổi tính chất sử dụng nhà, công trình.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
3	Khoản 1, Điều 1 Nghị định 46/2012/NĐ-CP	<b>Văn bản thông báo cam kết với cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy về việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy (đối với các cơ sở thuộc phụ lục 3a Nghị định 46/2012/NĐ-CP, phụ lục 2 ND 35/2003/NĐ-CP)</b>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

Số thứ tự	Tài liệu tham chiếu	Câu hỏi	Trả lời			Tổ chức hoặc Người tiếp xúc	Nhận xét của Đoàn kiểm tra
			Không	Có	Số liệu		
4	Điều 33 Nghị định 35/2003/N Đ-CP  Mục XVII Thông tư 04/2004/T T-BCA	<b>Quyết định thành lập đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở, đội PCCC chuyên ngành HK (Đối với Doanh nghiệp cảng)</b>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
4.1		Quyết định thành lập, ban hành quy chế hoạt động của Đội PCCC.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
4.2		Danh sách các thành viên của đội PCCC.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
5	Khoản 5 Điều 1 Nghị định 46/2012/N Đ-CP; Phụ lục 1 của Nghị định 35/2003/N Đ-CP; Mục XIV Thông tư 04/2004/T T-BCA	<b>Phương án chữa cháy</b> Người đứng đầu cơ sở lập phương án chữa cháy cơ sở. Đối với những cơ sở thuộc phụ lục 1 Nghị định 35/2003/NĐ-CP phải được cơ quan CS PCCC phê duyệt.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
5.1		Trong phương án phải tính đến việc thoát nạn, giải toả phương tiện, vật tư, hàng hoá khi có cháy xảy ra.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
5.2		Phương án chữa cháy phải đảm bảo yêu cầu theo quy định	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
5.3		Tổ chức phổ biến phương án chữa cháy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
5.4		Tổ chức thực tập phương án theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định 46/2012/NĐ-CP.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
5.5		Rà soát, bổ sung, chỉnh lý phương án chữa cháy phù hợp với thực tế.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
6	Mục IX Thông tư 04/2004/T T-BCA; Điều 19 Nghị định 35/2003/N Đ-CP	<b>Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy; các văn bản đề xuất, kiến nghị về công tác phòng cháy và chữa cháy; biên bản vi phạm và quyết định liên quan đến xử lý vi phạm về phòng cháy và chữa cháy (nếu có).</b>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
6.1		Thực hiện các kiến nghị về PCCC đã được cơ quan có thẩm quyền kiến nghị	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
6.2		Tổ chức tự kiểm tra an toàn PCCC theo quy định.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
6.3		Lưu giữ các biên bản kiểm tra	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
7	Mục 17 Thông tư 04/2004/T T-BCA	<b>Các sổ theo dõi về công tác tuyên truyền, bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ và hoạt động của đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở.</b>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
7.1		Lập sổ theo dõi	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
7.2		Cập nhật đầy đủ nội dung.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
8	Chương V Nghị định 35/2003/NĐ-CP; Mục XX Thông tư 04/2004/T-T-BCA; TCVN 3890:2009	<b>Sổ theo dõi phương tiện phòng cháy và chữa cháy.</b>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
8.1		Kiểm định phương tiện PCCC.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
8.2		Các Tài liệu kỹ thuật của phương tiện PCCC	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
8.3		Lập sổ theo dõi phương tiện PCCC	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
8.4		Thường xuyên cập nhật các thông tin thay đổi về phương tiện PCCC	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			



<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
9	Mục II Thông tư 04/2004/T T-BCA	<b>Thống kê, báo cáo về phòng cháy và chữa cháy; hồ sơ vụ cháy (nếu có).</b>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
9.1		- Lập sổ thống kê về PCCC theo quy định (Sổ theo mẫu tại Phụ lục A TCVN 3890:2009)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
9.2		Báo cáo về PCCC theo quy định.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
9.3		- Hồ sơ vụ cháy (nếu có).	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
10	Thông tư 16/2010/T T-BGTVT.  - Kế hoạch khẩn nguy cảng hàng không đã được phê duyệt.	Các văn bản hiệp đồng phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
11		Quy trình kiểm tra hồ sơ quản lý, theo dõi công tác PCCC	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
12		Thời gian kiểm tra					
13		Tần suất kiểm tra					
14		Nội dung kiểm tra hàng ngày, kiểm tra các hạng mục theo đúng tài liệu hướng dẫn khai thác.					
15		Thành phần, đơn vị chịu trách nhiệm kiểm tra hàng ngày của CHK.					
16		Quy định bảo đảm nhân viên có kinh nghiệm, có trình độ, có chứng chỉ phù hợp với tài liệu hướng dẫn để thực hiện công tác kiểm tra.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
17		Quy trình báo cáo.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
18		Công tác lưu trữ kết quả kiểm tra.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
19		Quy định biện pháp khắc phục các điểm không phù hợp.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

**Phụ lục 14**  
**DANH MỤC KIỂM TRA BỔ TRÍ LỰC LƯỢNG NHÂN SỰ LÀM CÔNG TÁC PCCC**

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
1	Quy chế hoạt động của Đội PCCC, Phương án PCCC đã được phê duyệt	<b>Tổ chức, biên chế của đội PCCC cơ sở, đội PCCC chuyên ngành HK.</b>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
1.1		Quyết định thành lập Đội PCCC	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
1.2		Số lượng thành viên đội PCCC					
2	Quy chế hoạt động của Đội PCCC, Phương án PCCC đã được phê duyệt	<b>Quản lý, duy trì hoạt động của đội PCCC cơ sở, đội chữa cháy chuyên ngành HK.</b>					
2.1		Tổ chức trực PCCC tại cơ sở	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
2.2		Số lượng người trong một ca trực.					
2.3		Thời gian trong một ca trực.					
2.4		Kỹ năng sử dụng phương tiện, trang thiết bị PCCC.					
3		<b>Công tác huấn luyện nghiệp vụ về PCCC</b>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
3.1		Nội dung huấn luyện					
3.2		Số lượng người được huấn luyện					
3.3		Lưu trữ hồ sơ về huấn luyện					
3.4		Quy trình kiểm tra việc bố trí lực lượng cho công tác PCCC	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
3.5		Thời gian kiểm tra					
3.6		Tần suất kiểm tra					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
3.7		Nội dung kiểm tra hàng ngày, kiểm tra các hạng mục theo đúng tài liệu hướng dẫn khai thác.					
3.8		Thành phần, đơn vị chịu trách nhiệm kiểm tra hàng ngày của CHK.					
3.9		Quy định bảo đảm nhân viên có kinh nghiệm, có trình độ, có chứng chỉ phù hợp với tài liệu hướng dẫn để thực hiện công tác kiểm tra.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
3.10		Quy trình báo cáo.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
3.11		Công tác lưu trữ kết quả kiểm tra.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
3.12		Quy định biện pháp khắc phục các điểm không phù hợp.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

**Phụ lục 15**  
**DANH MỤC KIỂM TRA TRANG THIẾT BỊ PCCC**

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
1	- Thông tư số 16/2010/T T-BGTVT  - Cấp cứu hỏa sân bay đã được công bố	<b>Xe cứu hỏa:</b>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
1.1	NT	Số lượng					
1.2	NT	Chủng loại xe					
1.3	NT	Foam	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
1.4	NT	Bột chữa cháy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
1.5	NT	Tốc độ xả bột					
1.6	NT	Tình trạng hoạt động của xe					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
1.7	NT	Trang thiết bị kèm theo xe	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
1.8	NT	Thời gian phản ứng của xe cứu hỏa					
2	Phương án PCCC đã được phê duyệt	<b>Vật tư PCCC dự trữ:</b>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2.1	NT	Nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2.2	NT	Foam	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2.3	NT	Bột chữa cháy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2.4	NT	Cát	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
3	Phụ lục 5 Nghị định 35/2003/NĐ-CP	<b>Hệ thống báo cháy tự động, bán tự động</b>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			



<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
4	Phụ lục 5 Nghị định 35/2003/N Đ-CP	<b>Hệ thống chữa cháy tự động</b>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
5	Phụ lục 5 Nghị định 35/2003/N Đ-CP	<b>Hệ thống chữa cháy vách tường: Các lăng, vòi, trụ nước chữa cháy</b>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
6	Phụ lục 5 Nghị định 35/2003/N Đ-CP	<b>Bình chữa cháy:</b>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
6.1	NT	Số lượng					
6.2	NT	Loại bình					
6.3	NT	Vị trí để bình chữa cháy					
7	Phụ lục 5 Nghị định 35/2003/N Đ-CP	<b>Trang phục và thiết bị bảo vệ cá nhân</b>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
7.1	NT	Quần, áo	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
7.2	NT	Mũ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
7.3	NT	Ủng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
7.4	NT	Găng tay	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
7.5	NT	Khẩu trang chữa cháy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
7.6	NT	Ủng, găng tay cách điện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
7.7	NT	Quần áo cách nhiệt	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
7.8	NT	Mặt nạ phòng độc lọc độc	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
7.9	NT	Khẩu trang lọc độc	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
7.10	NT	Các máy san nập khí cho mặt nạ phòng độc	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
8	Phụ lục 5 Nghị định 35/2003/N Đ-CP	<b>Công cụ hỗ trợ và dụng cụ phá dỡ:</b>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
8.1	NT	Máy cắt	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
8.2	NT	Máy kéo	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
8.3	NT	Máy phanh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
8.4	NT	Máy kích, nâng điều khiển bằng khí nén	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
8.5	NT	Máy kích, nâng điều khiển bằng điện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
8.6	NT	Kìm cộng lực	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
8.7	NT	Cưa tay	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
8.8	NT	Búa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
8.9	NT	Xà beng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
9	Phụ lục 5 Nghị định 35/2003/N Đ-CP	<b>Thiết bị, dụng cụ thông tin liên lạc:</b>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
9.1	NT	Bàn chỉ huy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
9.2	NT	Lều chỉ huy chữa cháy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
9.3	NT	Hệ thống chỉ huy hữu tuyến	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
9.4	NT	Hệ thống chỉ huy vô tuyến	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
10	Thông tư 04/2004/T T-BCA	<b>Kiểm tra, kiểm định phương tiện chữa cháy.</b>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
10.1		Quy trình kiểm tra trang, thiết bị PCCC	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
10.2		Thời gian kiểm tra					
10.3		Tần suất kiểm tra					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
10.4		Nội dung kiểm tra hàng ngày, kiểm tra các hạng mục theo đúng tài liệu hướng dẫn khai thác.					
10.5		Thành phần, đơn vị chịu trách nhiệm kiểm tra hàng ngày của CHK.					
10.6		Quy định bảo đảm nhân viên có kinh nghiệm, có trình độ, có chứng chỉ phù hợp với tài liệu hướng dẫn để thực hiện công tác kiểm tra.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
10.7		Quy trình báo cáo.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
10.8		Công tác ghi chép và lưu trữ kết quả kiểm tra.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
10.9		Quy định biện pháp khắc phục các điểm không phù hợp.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

**Phụ lục 16**  
**DANH MỤC KIỂM TRA AN TOÀN XÂY DỰNG SÂN BAY**

<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
1	Các chi tiết về quy trình lập kế hoạch xây dựng và bảo dưỡng sân bay (kể cả các công trình xây dựng đột xuất trong khu bay và khu vực lân cận)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2	Công tác chuẩn bị, phương thức liên lạc với cơ quan kiểm soát không lưu trong quá trình xây dựng công trình.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
3	Tên, số điện thoại và chức vụ của những tổ chức và cá nhân phụ trách thi công xây dựng công trình và các quy định thiết lập liên lạc với họ trong mọi thời điểm					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
3	Tên, số điện thoại và chức vụ của những đơn vị khai thác tại khu bay, các hãng phục vụ mặt đất và các hãng hàng không cần được thông báo về việc xây dựng công trình.					
4	Công tác thi công bảo đảm không gây ra mối nguy đối với tàu bay hay sự nhầm lẫn cho tổ bay					
5	Xác định khu vực bị ảnh hưởng trên sân bay theo từng giai đoạn thi công					
6	Các bước thực hiện để bảo đảm tuân thủ tiêu chuẩn an toàn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
7	Quy trình để bảo đảm rằng cán bộ phụ trách an toàn được huấn luyện theo đúng quy định	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
8	Quy định thông báo cho người khai thác tàu bay và các doanh nghiệp hoạt động tại sân bay về phương án thi công và số điện thoại của người đại diện trong và sau giờ hành chính	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
9	Quy định thông báo đài kiểm soát không lưu và tổ bay trong quá trình thi công	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
10	Hệ thống hàng rào, biển báo khu vực thi công theo đúng quy định	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
11	Biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường, phòng chống khói bụi và chống cháy nổ.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
12	Biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn khi thi công.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
13	Công tác thi công được lập kế hoạch và ghi chép theo đúng quy định	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			



<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
14	Phương thức thông tin liên lạc với đài chỉ huy phù hợp với quy định	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
15	Công tác thi công được thực hiện theo đúng kế hoạch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
16	Kiểm soát người và phương tiện ra vào khu vực thi công khi thi công trong khu bay	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
17	Việc chấp hành đeo thẻ kiểm soát an ninh của người thi công trong khu bay	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
18	Việc tuân thủ luồng, tuyến khi ra vào khu vực thi công của người và phương tiện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
19	Sự cố liên quan đến công tác thi công được ghi nhận, báo cáo và theo dõi	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

**Phụ lục 17**  
**DANH MỤC KIỂM TRA TRANG THIẾT BỊ PCLB&TKCN**

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Tên trang thiết bị</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
1		Xe cứu hỏa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2		Xe cứu thương	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
3		Xe chỉ huy TKCN	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
4		Các loại xe khác phục vụ công tác KNSB&TKCN	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
5		Máy phát điện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
6		Máy bơm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
7		Máy cưa cắt	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
8		Kìm thủy lực	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
9		Máy liên lạc đơn giản	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
10		Bộ đàm cầm tay	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Tên trang thiết bị</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
11		Bộ đàm cố định	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
12		Nhà bạt	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
13		Áo phao	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
14		Phao tròn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
15		Va ly cấp cứu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
16		Cánh cứu thương	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
17		Bộ túi phẫu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
18		Túi thuốc thông thường	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
19		Bình ô xy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
20		Tủ đựng tử thi	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
21		Bộ móc chằng néo tàu bay	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Tên trang thiết bị</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
22		Cuốc	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
23		Xẻng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
24		Thang	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
25		Dao rựa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
26		Kìm cộng lực	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
27		Kìm điện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
28		Búa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
29		Máy ảnh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
30		Máy quay video	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
31		Súng pháo hiệu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
32		Đạn pháo hiệu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Tài liệu tham chiếu</i>	<i>Tên trang thiết bị</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
			<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
33		Loa pin	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
34		Đèn pin	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
35		Ống nhôm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
36		La bàn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
37		Máy ghi âm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
38		Xuông	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
39		Tủ tài liệu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
40		Sơ đồ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
41		Bản đồ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

**Phụ lục 18**  
**QUY TRÌNH KHAI THÁC, BIỆN PHÁP ĐẢM BẢO AN NINH, AN TOÀN**

<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
1	<b>Các quy định kiểm soát ra vào khu bay</b>					
1.1	Quy định giám sát chung để đảm bảo an ninh trên khu bay.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
1.2	Quy định/văn bản hiệp đồng với các cơ quan có liên quan nhằm đảm bảo an ninh khu bay (số văn bản, ngày tháng có hiệu lực thi hành).	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
1.3	Quy định về kiểm tra, giám sát lối ra vào khu bay, trình tự ngăn cấm vào khu bay đối với người, phương tiện, xe cộ, động vật và các vật khác không được phép	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
1.4	Việc kiểm soát có được tự động hoá hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
1.5	Công gác vào ra không có người gác có được trang bị hệ thống báo động không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
1.6	Có đường công vụ hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
1.7	Có bản vẽ chi tiết hàng rào sân bay hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
1.8	Có quy định cụ thể về kiểm tra hệ hàng rào hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
1.9	Chu kỳ kiểm tra như thế nào.					
1.10	Ai có trách nhiệm kiểm tra.					
1.11	Ai lưu giữ bản vẽ hàng rào và quy định quản lý vào ra.					
1.12	Ngày cuối cùng cập nhật bản vẽ.					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
1.13	Các tài liệu liên quan đến hàng rào và cổng vào ra có được phân phát cho ai không. Việc quản lý bảo mật tài liệu này như thế nào.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2	<b>Kế hoạch khẩn nguy sân bay.</b>					
2.1	<p>Phương tiện, trang thiết bị của các đơn vị có trách nhiệm trong các kế hoạch khẩn nguy:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xe cộ : Chúng loại xe, số lượng, đặc tính cơ bản,...</li> <li>- Trụ sở chỉ huy: Tên, số điện thoại, các phương tiện thông tin,...</li> </ul>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			



<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
2.2	Các phương án xử lý các tình huống khẩn cấp xảy ra tại cảng hàng không, sân bay hoặc các vùng lân cận như: Tình huống khẩn cấp ảnh hưởng tới tàu bay đang bay, cướp tàu bay, bắt cóc con tin, đe dọa bom (với tàu bay, các công trình), cháy, nổ các công trình, trang thiết bị, dò rỉ của các vật liệu nguy hiểm, các sự cố phải áp dụng tình huống khẩn cấp và các hành vi can thiệp bất hợp pháp khác.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2.3	Các phương án phòng ngừa đối với các tình huống khẩn nguy nêu trên.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2.4	Diễn tập khẩn nguy (quy định về thời gian, tần suất diễn tập và nội dung diễn tập).	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<b>Số thứ tự</b>	<b>Câu hỏi</b>	<b>Trả lời</b>			<b>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</b>	<b>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</b>
		<b>Không</b>	<b>Có</b>	<b>Số liệu</b>		
2.5	Cơ cấu tổ chức, phân công đơn vị, con người (trong và ngoài cảng hàng không) chịu trách nhiệm xử lý và phối hợp với các lực lượng hiệp đồng khi có tình huống khẩn nguy <i>(số điện thoại, số fax, địa chỉ SITA, tần số vô tuyến điện của họ).</i>					
2.6	Ngày phê duyệt kế hoạch khẩn nguy sân bay.					
2.7	Ban khẩn nguy có bao gồm đại diện của các đơn vị cung cấp dịch vụ và các đơn vị liên quan để hỗ trợ cung cấp dịch vụ khi có yêu cầu trong tình huống khẩn nguy.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2.8	Trách nhiệm, vai trò của mỗi tổ chức cung cấp dịch vụ khi xảy ra tình huống khẩn nguy.					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
2.9	Chi tiết hành động, điều hành và phối hợp của các đơn vị khi có tình huống khẩn nguy.					
2.10	Phương án bố trí phương tiện, trang thiết bị sẵn sàng phục vụ khi có tình huống khẩn nguy.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2.11	Phương án đối phó với tình huống khẩn nguy bao gồm bố trí công ra vào và khu vực tập kết trang thiết bị, phương tiện.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2.12	Khả năng ứng phó với thông báo khẩn nguy một phần.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2.13	Khả năng ứng phó với khẩn nguy toàn phần.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2.14	Công tác khắc phục để đưa CHK/sân bay vào hoạt động sau khi kết thúc tình huống khẩn nguy.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
2.15	Đánh giá định kỳ (ít nhất 1 lần/năm) đối với các đơn vị đề cập trong kế hoạch.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2.16	Đánh giá các tình huống đã xảy ra hoặc tổ chức diễn tập tình huống giả định để xem xét một cách đầy đủ kế hoạch ứng phó khẩn nguy và đưa ra các sửa đổi hợp lý.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2.17	Lưu giữ hồ sơ đánh giá ít nhất 3 năm.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2.18	Diễn tập về công tác phối hợp giữa các đơn vị và đánh giá quy trình cũng như số lượng phương tiện, trang thiết bị được sử dụng khi có tình huống khẩn nguy.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2.19	CHK có lưu giữ hồ sơ theo quy định trong tài liệu hướng dẫn.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2.20	Bố trí nhân lực đảm bảo cho công tác khẩn nguy.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
2.21	Thông tin của thành viên ban chỉ huy khẩn nguy có đúng với danh sách nêu trong tài liệu được phê duyệt.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2.22	Tần suất họp của ban chỉ huy khẩn nguy có đúng trong tài liệu được phê duyệt.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2.23	Ban chỉ huy khẩn nguy có đầy đủ đại diện các tổ chức/đơn vị cần thiết.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2.24	Có tổ chức xem xét kế hoạch khẩn nguy theo quy định trong tài liệu được phê duyệt.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2.25	Có kiểm tra kế hoạch khẩn nguy theo quy định trong tài liệu.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2.26	Kế hoạch khẩn nguy có được phân phối cho các đơn vị theo quy định trong tài liệu.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
2.27	Nhân viên có nhận thức được các yêu cầu về an toàn khi thực hiện kế hoạch khẩn nguy.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2.28	Diễn tập khẩn nguy có thực hiện theo nội dung nêu trong tài liệu.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2.29	Thời điểm diễn tập gần nhất.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2.30	Các tổ chức/đơn vị phù hợp tham gia.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2.31	Có áp dụng các sửa đổi phù hợp cho kế hoạch khẩn nguy.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2.32	Các sự cố liên quan đến khẩn nguy có được ghi nhận, báo cáo và theo dõi.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
3	<b>Cứu nạn và chống cháy.</b>					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
3.1	Phương tiện, trang thiết bị, nhân viên phục vụ công tác cứu nạn, chữa cháy. Tên, chức vụ, số điện thoại của người chịu trách nhiệm xử lý cứu nạn, chữa cháy.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
3.2	Các quy trình, phương án tác nghiệp trong công tác cứu nạn và chữa cháy.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
3.3	Phương thức quản lý việc tuân thủ hợp đồng trong trường hợp dịch vụ cứu nạn chữa cháy giao cho đối tác khác.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
3.4	Các văn bản hiệp đồng với các cơ quan bên ngoài, địa chỉ và phương thức liên lạc với họ.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
3.5	Quy trình xác định cấp cứu hỏa dựa trên quy định quốc tế hay trong nước.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
3.6	RFFS có cung cấp được trong điều kiện địa hình phức tạp.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
3.7	Các quy định về cấp cứu hỏa trong thời gian tần suất khai thác giảm.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
3.8	Lượng nước trên xe có tương ứng với lượng bọt được cung cấp.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
3.9	Công tác huấn luyện nghiệp vụ (Huấn luyện ban đầu, huấn luyện định kỳ).	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
3.10	Có huấn luyện về thực hành và phối hợp nhóm.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
3.11	Cung cấp quần áo bảo hộ và thiết bị thở cho nhân viên.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
3.12	Lưu giữ hồ sơ theo quy định của tài liệu và tài liệu dịch vụ cứu hỏa.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			



<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
3.13	Nguồn lực đầy đủ và phù hợp sẵn sàng trên phương tiện cứu hỏa.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
3.14	Nhà để xe có đủ lớn để bảo quản tất cả phương tiện và thiết bị.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
3.15	Lối tiếp cận từ trung tâm cứu hỏa đến khu bay có thông thoáng và nhanh chóng.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
3.16	Có được trang bị phương tiện để sử dụng trong trường hợp cứu hộ tại địa hình phức tạp.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
3.17	Số lượng xe cứu hỏa có đầy đủ.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
3.18	Quy trình huấn luyện, đào tạo có đầy đủ.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
3.19	Quy trình kiểm tra trang thiết bị.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
3.20	Thời gian phản ứng được kiểm chứng thông qua kiểm tra.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
3.21	Hệ thống liên lạc có được kiểm tra theo quy định trong tài liệu.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
3.22	Có quy trình bảo dưỡng cho phương tiện, thiết bị và cơ sở hạ tầng.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
3.23	Thực hiện kiểm tra cơ sở RFFS bao gồm hồ sơ tuân thủ theo quy định hiện hành.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
3.24	Các nguy cơ tiềm ẩn liên quan đến RFFS, sự cố và tai nạn có được ghi nhận, báo cáo và theo dõi.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
4	<b>Kiểm tra khu bay và bề mặt giới hạn chướng ngại vật cảng hàng không.</b>					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
4.1	Các quy trình kiểm tra thường kỳ khu bay và kiểm tra các bề mặt giới hạn chướng ngại vật, bao gồm: Cơ quan chịu trách nhiệm. Tên và chức vụ những người phụ trách kiểm tra và số điện thoại của họ.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
4.2	Các quy định kiểm tra, các nội dung kiểm tra, đối tượng kiểm tra (danh mục các hạng mục kiểm tra kể cả tình trạng mặt đường).	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
4.3	Thời gian kiểm tra và số lần kiểm tra.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
4.4	Quy trình báo cáo và các biện pháp khắc phục.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
4.5	Nhật ký kiểm tra cơ quan nào lưu giữ.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
5	<b>Các quy trình và phương tiện liên lạc với cơ quan kiểm soát không lưu trong thời gian kiểm tra khu bay.</b>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
5.1	Các cuộc kiểm tra hàng ngày có làm báo cáo không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
6	<b>Bảo dưỡng khu vực di chuyển.</b>					
6.1	Các quy trình bảo dưỡng đường cát, hạ cánh, dải bảo hiểm, đường lăn, sân đỗ, các hệ thống thoát nước và phòng phụt cho động cơ tàu bay.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
6.2	Phương thức thông báo cho cơ quan kiểm soát không lưu về khu vực bảo dưỡng, thời gian bảo dưỡng.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
6.3	Tên, địa chỉ đơn vị, cá nhân phụ trách bảo trì, bảo dưỡng khu bay.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
6.4	Quy định bảo dưỡng đường CHC, lề và các khu vực an toàn.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
6.5	Quy định công tác bảo dưỡng dải bảo hiểm đường CHC và đường lăn.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
6.6	Kiểm tra định kỳ độ ma sát đường CHC.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
6.7	Nguồn lực đầy đủ, phù hợp sẵn sàng.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
6.8	Người khai thác cung cấp trang thiết bị đầy đủ và đạt yêu cầu.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
6.9	Hoạt động bảo dưỡng gần khu vực hoạt động tàu bay được kiểm soát theo quy định của tài liệu hướng dẫn.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
6.10	Công tác bảo dưỡng trên mặt đất được thực hiện phù hợp với lịch trình đã được ghi trong tài liệu hướng dẫn.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
6.11	Nhân viên nhận thức yêu cầu an toàn liên quan đến khu vực di chuyển.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
6.12	Các quy trình thực hiện phù hợp với quy định an toàn thi công.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
6.13	Bề mặt không có các bất thường.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
6.14	Sự cố liên quan đến công tác bảo dưỡng được ghi nhận, báo cáo và theo dõi.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
7	<b>Quản lý các nguy cơ gây mất an toàn do động vật gây ra.</b>					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
7.1	Xác định vị trí các nơi nhốt, giữ và chăn thả động vật của địa phương.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
7.2	Xác định các lối đi động vật có thể xâm nhập khu bay.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
7.3	Đánh giá về các rủi ro do động vật gây ra. Chương trình kiểm soát động vật.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
7.4	Xác định chu kỳ di cư của chim.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
7.5	Các biện pháp quản lý và ngăn ngừa. Tần suất của các hoạt động ngăn ngừa cũng như phương tiện thực hiện.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
7.6	Quy trình ứng phó với nguy hiểm cho hoạt động khai thác tàu bay gây ra bởi chim và động vật trong và gần sân bay.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
7.7	Tên, số điện thoại, chức năng, nhiệm vụ của người chịu trách nhiệm trong công tác đối phó với mọi nguy hiểm từ chim và động vật kể cả ngoài giờ hành chính.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
7.8	Công tác báo cáo sự cố chim va đập.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
7.9	Nguồn lực đầy đủ, phù hợp luôn sẵn sàng.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
7.10	Công tác giám sát theo quy định của tài liệu hướng dẫn.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
7.11	Công tác quản lý môi trường được thực hiện theo đúng quy định.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
7.12	Nhân viên có nhận biết yêu cầu an toàn đối với mọi nguy từ chim và động vật.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			



<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
7.13	Các sự cố từ mối nguy chim và động vật được ghi nhận, báo cáo và xử lý.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
8	<b>Quản lý chướng ngại vật.</b>					
8.1	Các quy định về bề mặt giới hạn của chướng ngại trong bề mặt cát, hạ cánh của tàu bay.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
8.2	Phạm vi, quyền hạn của chủ khai thác cảng hàng không, sân bay trong việc kiểm soát chướng ngại vật.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
8.3	Kiểm soát và quản lý các công trình xây dựng, vật kiến trúc trong bề mặt giới hạn chướng ngại vật của cảng hàng không, sân bay (bao gồm trong ranh giới và khu vực lân cận sân bay).	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
8.4	Quy trình báo cáo Cục HKVN về chủng loại, vị trí, việc xuất hiện mới hay tháo dỡ các vật chướng ngại để có biện pháp cần thiết kể cả cập nhật vào các bản tin không báo.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
8.5	Các biện pháp phù hợp để giám sát bề mặt giới hạn chướng ngại vật.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
8.6	Các biện pháp phát hiện chướng ngại vật càng nhanh càng tốt.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
8.7	Quy trình giám sát bề mặt cất cánh đối với chướng ngại vật.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
8.8	Quy trình giám sát việc xây dựng các tòa nhà trong giới hạn ngang của bề mặt giới hạn chướng ngại vật.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
8.9	Quy trình giám sát chứng ngại vật mới hoặc tòa nhà trong khu vực được ấn định bởi người thiết kế phương thức ( <i>Đối với sân bay có phương thức hạ cánh bằng thiết bị</i> ).	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
8.10	Sự thống nhất của Cục HKVN, cơ quan có thẩm quyền tại địa phương và tổ chức liên quan khác trong việc phê duyệt cho độ cao tòa nhà có khả năng ảnh hưởng đến bề mặt giới hạn chứng ngại vật.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
8.11	Thông báo chứng ngại vật bằng các phương pháp Thông báo tin tức HK bao gồm độ cao đã công bố bị thay đổi.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
8.12	Tên, số điện thoại, chức năng, nhiệm vụ của người chịu trách nhiệm cho việc lập kế hoạch và thực hiện kiểm soát chứng ngại vật.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
8.13	Nguồn lực đủ và phù hợp sẵn sàng.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
8.14	Khảo sát bề mặt giới hạn chướng ngại vật được thực hiện bởi nhân viên đã được huấn luyện và cấp chứng chỉ.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
8.15	Công tác giám sát giới hạn bề mặt chướng ngại vật theo tài liệu.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
8.16	Việc giám sát được thực hiện đột xuất và thường xuyên.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
8.17	Công tác phối hợp với cơ quan thẩm quyền.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
8.18	Nhân viên biết về quy định an toàn liên quan đến chướng ngại vật.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
8.19	Việc tuân thủ điều kiện và trường hợp ngoại lệ?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
8.20	Bề mặt giới hạn chướng ngại vật phù hợp với tiêu chuẩn sân bay.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
8.21	Chướng ngại vật thông báo bằng NOTAM phản ánh đúng điều kiện thực tế.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
8.22	Các sự cố kiểm soát chướng ngại vật được ghi nhận, báo cáo và theo dõi.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
9	<b>Di chuyển tàu bay hư hỏng.</b>					
9.1	Quy trình liên lạc với cơ quan kiểm soát không lưu.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
9.2	Bố trí sắp xếp nhân viên và phương tiện để di chuyển tàu bay bị hư hỏng.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
9.3	Quy trình di dời tàu bay mất khả năng di chuyển khỏi khu bay hoặc khu vực lân cận khu bay.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
9.4	Quy trình thông báo cho người khai thác tàu bay, cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu và Cục HKVN.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
9.5	Công tác hiệp đồng về nhân lực và trang thiết bị để di dời tàu bay.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
9.6	Tên, điện thoại, vai trò của người có trách nhiệm trong công tác phối hợp di dời tàu bay mất khả năng di chuyển kể cả ngoài giờ hành chính.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
9.7	Nguồn lực đủ và phù hợp.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
9.8	Công tác hiệp đồng trong việc liên lạc với nhà khai thác tàu bay.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
9.9	Công tác liên lạc với cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu và nhà chức trách theo quy định.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
9.10	Văn bản hiệp đồng để huy động trang thiết bị và con người để di dời tàu bay theo yêu cầu.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
9.11	Nhân viên biết về quy định an toàn khi di dời tàu bay.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
9.12	Các sự cố phải di dời tàu bay được ghi nhận, báo cáo và theo dõi.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
10	<b>Quản lý các vật liệu nguy hiểm.</b>					
10.1	Các quy định về nơi cất giữ, bảo đảm an toàn vận chuyển và kho cất giữ các chất lỏng dễ cháy (kể cả nhiều liệu hàng không) và các vật liệu nguy hiểm khác.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
10.2	Các quy định về các biện pháp và phương tiện kiểm soát, lưu giữ, phân phối và xử lý các vật nguy hiểm.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
10.3	Quy trình phục vụ an toàn vật phẩm nguy hiểm.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
10.4	Tên, điện thoại, vai trò của người tiếp nhận và xử lý vật phẩm nguy hiểm.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
10.5	Xác lập khu vực đặc biệt tại sân bay để chứa chất lỏng dễ cháy (kể cả xăng dầu hàng không) và các vật phẩm nguy hiểm khác.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
10.6	Phương thức phân phối, tập kết, xử lý vật phẩm nguy hiểm.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
10.7	Nguồn lực đầy đủ và phù hợp sẵn sàng.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
10.8	Nhân viên tiếp nhận và xử lý vật phẩm nguy hiểm đúng với tên đã được công bố trong tài liệu hướng dẫn.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
10.9	Quy trình vận chuyển, tập kết, phân phối và xử lý tuân thủ theo đúng tài liệu hướng dẫn.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
10.10	Nhân viên nhận thức về yêu cầu an toàn đối với vật phẩm nguy hiểm.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
10.11	Khu vực đặc biệt bố trí vật phẩm nguy hiểm phù hợp với quy định trong tài liệu hướng dẫn.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			



<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
10.12	Vật phẩm nguy hiểm được chứa đựng đúng quy định.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
10.13	Các sự cố liên quan đến vật phẩm nguy hiểm ghi nhận, báo cáo và theo dõi.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
11	<b>Khai thác trong điều kiện tầm nhìn hạn chế</b>					
11.1	Các quy trình hướng dẫn khai thác trong điều kiện tầm nhìn hạn chế.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
11.2	Tên, số điện thoại của người phụ trách đo tầm nhìn của đường CHC.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
11.3	Nguồn lực đáp ứng và phù hợp sẵn sàng.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
11.4	Công tác đo RVR theo đúng quy định.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
11.5	Công tác kiểm tra đường CHC trong lúc tầm nhìn hạn chế được thực hiện theo đúng tài liệu hướng dẫn.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
11.6	Các sự cố liên quan đến tầm nhìn thấp được ghi nhận, báo cáo và theo dõi.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
12	<b>Bảo vệ các Đài trạm dẫn đường và phạm vi hoạt động của thiết bị.</b>					
12.1	Kiểm soát các hoạt động xung quanh vị trí ra đa và các phương tiện dẫn đường vô tuyến.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
12.2	Các quy định về công tác bảo trì mặt đất xung quanh các thiết bị trên.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
12.3	Quy định về lắp đặt các bảng báo hiệu về bức xạ sóng cực ngắn nguy hiểm.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
12.4	Nguồn lực đầy đủ và phù hợp sẵn sàng.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
12.5	Các hoạt động gần rada và thiết bị dẫn đường được kiểm soát theo đúng quy định.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
12.6	Các hoạt động bảo dưỡng trên mặt đất gần khu vực lắp đặt thiết bị được thực hiện theo đúng quy định.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
12.7	Nhân viên nhận biết yêu cầu về an toàn liên quan đến rada và thiết bị dẫn đường.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
12.8	Các bảng hiệu cảnh báo mối nguy hiểm của bức xạ rada được cung cấp, lắp đặt phù hợp với quy định.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
12.9	Các sự cố liên quan đến rada, thiết bị dẫn đường được ghi nhận, báo cáo và theo dõi.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

**Phụ lục 19**  
**DANH MỤC KIỂM TRA HỆ THỐNG CẤP ĐIỆN**

<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
1	<b>Hệ thống nguồn cấp điện chính</b>					
1.1	Công suất					
1.2	Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
1.3	Số liệu này có được công bố trong AIP/Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2	<b>Hệ thống nguồn cấp điện dự phòng</b>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
2.1	Công suất					
2.2	Ngày tháng cuối cùng cung cấp số liệu này.					
2.3	Số liệu này có được công bố trong AIP/Tài liệu khai thác cảng hay không.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
3	<b>Thời gian chuyển đổi giữa nguồn điện chính và nguồn điện dự phòng</b>					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
4	Quy trình kiểm tra trong và ngoài giờ hoạt động của cảng hàng không, sân bay. Liệt kê nội dung và thời gian các cuộc kiểm tra đó.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
5	Ghi chép kết quả các cuộc kiểm tra và các biện pháp sửa chữa.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
6	Quy định về bảo dưỡng định kỳ và bảo dưỡng đột xuất.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
7	Quy định về nguồn điện dự phòng.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
8	Tên và vai trò của người chịu trách nhiệm kiểm tra và bảo dưỡng hệ thống điện, số điện thoại liên lạc trong và ngoài giờ hành chính.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
9	Báo cáo kiểm tra kỹ thuật được ghi chép đầy đủ và bằng chứng thực hiện các khuyến cáo, sai lỗi.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
10	Nguồn lực đầy đủ, phù hợp sẵn sàng.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
11	Vật tư dự phòng sẵn sàng.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
12	Các hỏng hóc được theo dõi phù hợp với tài liệu kỹ thuật.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
13	Công tác bảo dưỡng định kỳ và đột xuất được thực hiện theo quy định.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
14	Thời gian kiểm tra					
15	Tần suất kiểm tra					
16	Nội dung kiểm tra hàng ngày, kiểm tra các hạng mục theo đúng tài liệu hướng dẫn khai thác.					

<i>Số thứ tự</i>	<i>Câu hỏi</i>	<i>Trả lời</i>			<i>Tổ chức hoặc Người tiếp xúc</i>	<i>Nhận xét của Đoàn kiểm tra</i>
		<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Số liệu</i>		
17	Thành phần, đơn vị chịu trách nhiệm kiểm tra hàng ngày của CHK.					
18	Quy định bảo đảm nhân viên có kinh nghiệm, có trình độ, có chứng chỉ phù hợp với tài liệu hướng dẫn để thực hiện công tác kiểm tra.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
19	Quy trình báo cáo.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
20	Công tác lưu trữ kết quả kiểm tra.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
21	Quy định biện pháp khắc phục các điểm không phù hợp.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

**Phụ lục 20**  
**MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA**

**MỤC LỤC**

1. GIỚI THIỆU.....	
1.1 Thông tin chung.....	
1.2 Phạm vi và mục đích kiểm tra.....	
1.3 Thông tin hành chính của tổ chức được kiểm tra.....	
1.4 Những tài liệu được xem xét.....	
1.5 Những người được phỏng vấn.....	
1.6 Họp khai mạc.....	
1.7 Họp kết thúc.....	
1.8 Phân phối báo cáo.....	
1.9 Độ mật của báo cáo.....	
2. TÓM TẮT CÔNG VIỆC ĐÃ KIỂM TRA.....	
3. TÓM TẮT CÁC PHÁT HIỆN.....	
4. QUAN SÁT VÀ PHÁT HIỆN.....	
5. KẾ HOẠCH KHẮC PHỤC.....	

---

**1. GIỚI THIỆU**

**1.1 Thông tin chung**

Cảng hàng không được kiểm tra:	Cảng hàng không XXX
Ngày kiểm tra:	
Đoàn kiểm tra:	Ông/Bà. ...., Trưởng đoàn Ông/Bà. ...., Thành viên Ông/Bà. ...., Thành viên Ông/Bà. ...., Thành viên

**1.2 Phạm vi & mục đích kiểm tra**

Cuộc kiểm tra được tiến hành để kiểm tra việc tuân thủ  
\_\_\_\_\_ (điền tên quy trình, quy định, sổ tay hướng  
dẫn, v.v...) của cảng hàng không/tổ chức XXX.

**1.3 Thông tin hành chính của tổ chức được kiểm tra**

Ban giám đốc của Cảng hàng không XXX, đại diện cho nhà khai thác sân bay, gồm:

- Ông/Bà.....,
- Ông/Bà.....,
- Ông/Bà.....,

**1.4 Những tài liệu cần xem xét**

Những tài liệu sau đây cần được xem xét trước và trong suốt quá trình kiểm tra:

- *Liệt kê tài liệu*



- *Liệt kê tài liệu*
- *Liệt kê tài liệu*

## **1.5 Những người được phỏng vấn**

Những người sau đây sẽ được phỏng vấn/chất vấn trong quá trình kiểm tra:

- Ông/Bà. ....,
- Ông/Bà. ....,

## **1.6 Họp khai mạc**

Cuộc họp khai mạc cho đợt kiểm tra được tổ chức vào ngày \_\_\_\_\_ tại địa điểm\_\_\_\_\_. Cuộc họp này do Trưởng đoàn kiểm tra, ông/bà ..... *chủ trì*, ông/bà ..... *phổ biến* kế hoạch và nội dung kiểm tra, tham dự cuộc họp có các thành phần sau:

*Liệt kê tên người tham dự.*

## **1.7 Họp kết thúc**

Cuộc họp kết thúc đợt kiểm tra được tổ chức vào ngày \_\_\_\_\_ tại địa điểm\_\_\_\_\_. Cuộc họp này do Trưởng đoàn kiểm tra, ông/bà ..... *chủ trì*, tham dự cuộc họp có các thành phần sau:

*Liệt kê tên người tham dự.*

## **1.8 Phân phối báo cáo**

Báo cáo sẽ được gửi cho Giám đốc Cảng hàng không XXX. Giám đốc Cảng hàng không XXX có trách nhiệm đảm bảo việc phân phối các kết luận và phát hiện được ghi trong báo cáo đến được với những người thích hợp trong tổ chức được đánh giá.

## **1.9 Độ mật của báo cáo**

Báo cáo và tất cả những thông tin trong báo cáo đều phải được xem là tài liệu mật và không được phổ biến rộng rãi khi chưa được phép của người có thẩm quyền.

## **2. TÓM TẮT CÔNG VIỆC ĐÃ KIỂM TRA**

Nêu ngắn gọn những hoạt động chính của cuộc kiểm tra và các phát hiện chính trong đợt kiểm tra.

## **3 TÓM TẮT CÁC PHÁT HIỆN**

Bản tóm tắt liệt kê tất cả các phát hiện theo thứ tự ưu tiên.

## **4. QUAN SÁT VÀ PHÁT HIỆN**

4.1 Mô tả mỗi phát hiện trong quá trình quan sát được.

4.1.2 Phát hiện: Mô tả các thiếu sót và hành động khắc phục, cùng với những yêu cầu bắt buộc và những bằng chứng liên quan về việc không tuân thủ đúng quy định.

4.1.3 Tình trạng: Phân loại phát hiện

4.1.4 Thời gian: Thời hạn khắc phục

4.2 Theo dõi: Ghi lại các nhận xét

Khi ghi lại các phát hiện sau một cuộc kiểm tra, cần tuân theo các hướng dẫn sau:

- Không đợi đến phút cuối cùng mới soạn thảo các tài liệu; phải điền các phát hiện vào trong quá trình theo dõi, quan sát nhằm duy trì mức độ khách quan, thỏa đáng;
- Bản báo cáo cuối cùng phải được soạn trong thời gian nhanh nhất sau khi cuộc kiểm tra hoàn tất;
- Tất cả các chi tiết phải rõ ràng, cô đọng, dễ hiểu;
- Câu từ phải ngắn gọn, dễ hiểu;
- Việc phân loại khuyến cáo phải được thực hiện một cách khách quan và trung thực.

## 5. **KẾ HOẠCH KHẮC PHỤC**

Liệt kê tất cả những hoạt động khắc phục trong Mẫu Kế hoạch Khắc phục theo thứ tự ưu tiên. (Xem Bảng 1)

**Bảng 1 : Kế hoạch khắc phục**

Tài liệu Tham chiếu	Phát hiện	Phân loại phát hiện	Hoạt động khắc phục của tổ chức được kiểm tra	Trách nhiệm cá nhân	Thời hạn